



CỤC THỐNG KÊ
CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025



Tháng 6-2025

Số: /BC-CCTK

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự đoán. Công tác đàm phán thuế đối ứng giữa Chính phủ cùng với Mỹ đang có những tín hiệu tốt đã tác động tích cực đến tình hình sản xuất và xuất nhập khẩu của nước ta. Tuy nhiên, nguy cơ chiến tranh thương mại vẫn đang hiện hữu, đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trên địa bàn tỉnh, tình hình Kinh tế - Xã hội trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 nhìn chung ổn định, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, kim ngạch xuất nhập khẩu chưa có nhiều biến động. Hiện nay, Chính quyền và người dân tỉnh đã và đang tập trung nghiêm túc, thực hiện đồng bộ những giải pháp phát triển Kinh tế - Xã hội của Chính phủ. Công tác thu hoạch vụ Đông xuân 2024-2025 đang được đẩy nhanh tiến độ; chỉ số phát triển công nghiệp và tổng mức bán lẻ và doanh thu hoạt động tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch được tổ chức đã thu hút một lượng lớn khách du lịch đến với tỉnh nhà. Công tác an sinh tiếp tục được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. An ninh trật tự xã hội được đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên dịch bệnh trên vật nuôi, cây trồng, tình trạng thiên tai, cháy nổ và vi phạm trật tự an toàn giao thông vẫn còn xảy ra rải rác ở một số địa phương ít nhiều đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

A. TÌNH HÌNH KINH TẾ

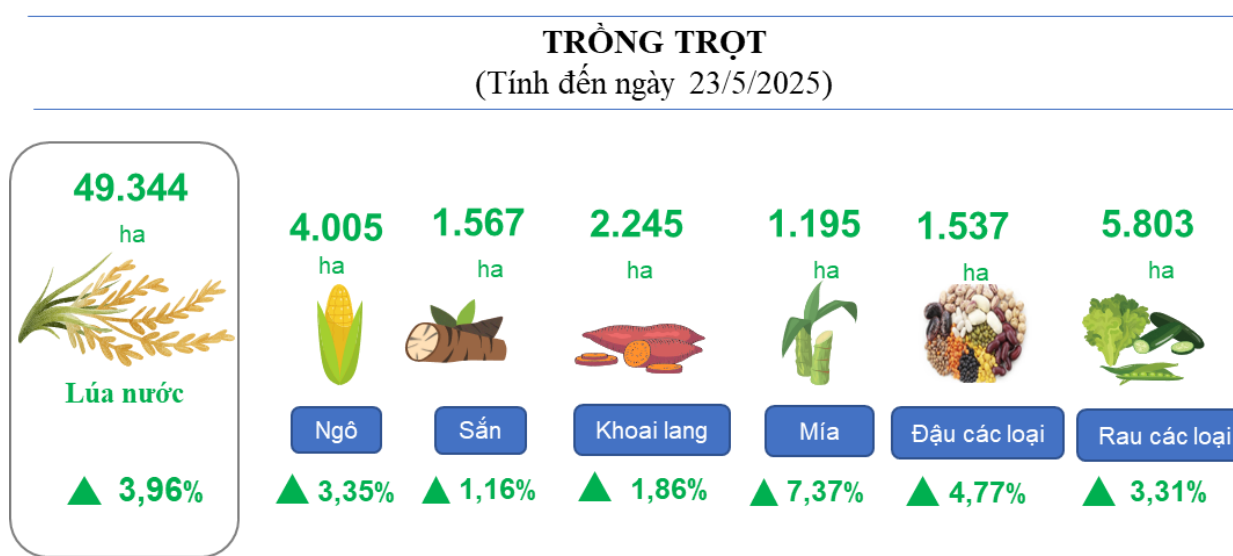
1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng 5/2025 tập trung vào việc thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông xuân. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã bước vào mùa mưa tạo điều kiện tốt cho các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển. Công tác tái đàn gia súc, gia cầm đang được đẩy mạnh, do giá thị hơi vẫn ở mức khá cao. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy được chú trọng. Nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản dồi dào, tạo điều kiện cho người dân bước vào mùa sản xuất chính.

1.1. Kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2024-2025

Vụ Đông Xuân năm 2024-2025, Toàn tỉnh đã gieo trồng được 71.839 ha cây trồng các loại, vượt 3,57% so với kế hoạch, tăng 3,85% so với chính thức Đông Xuân năm trước. Trong đó, lúa nước 49.344 ha, vượt 2,18% so với kế hoạch, tăng 3,96%; ngô 4.005 ha, vượt 7,89% so với kế hoạch, tăng 3,35%; khoai lang 2.245 ha, vượt 16,02% so với kế hoạch, tăng 1,86%; sắn 1.567 ha, đạt 68,58% so với kế hoạch, tăng 1,16%; cây mía 1.195 ha, đạt 82,53% kế hoạch, tăng 7,37%; đậu các loại 1.537 ha, vượt 9,94% so với kế hoạch, tăng 4,77%; rau các loại 5.803 ha, vượt 18,89% so với kế hoạch, tăng 3,31%; cây thuốc lá 1.829 ha, vượt 11,80% kế hoạch, tăng 10,83% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 1. Gieo trồng một số cây hàng năm



Tiến độ thu hoạch Vụ Đông Xuân 2024-2025: Tính đến ngày 23/5, toàn tỉnh đã thu hoạch được tổng diện tích 61.598 ha/71.839 ha diện tích thực hiện, đạt 85,74% kế hoạch. Trong đó, lúa nước 45.744 ha; ngô 3.712 ha; khoai lang 1.393 ha; rau các loại 4.881 ha; đậu các loại 1.398 ha; thuốc lá 1.350 ha; mía 75 ha; cây hàng năm khác 3.045 ha.






Sản xuất vụ Đông Xuân năm nay vượt kế hoạch đề ra và tăng so với cùng kỳ năm trước là do điều kiện thời tiết khí hậu thuận lợi, nguồn nước dồi dào, cơ cấu cây trồng thay đổi do bị tác động bởi giá nông sản, đặc biệt là diện tích lúa, ngô, khoai lang, thuốc lá, mía, rau, đậu các loại...

Tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng diễn biến ở mức độ nhẹ, ít ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng các loại cây trồng (¹). Mặc dù vậy, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành nông nghiệp tăng cường theo dõi dịch bệnh của các loại cây trồng để có biện pháp phòng trừ hiệu quả, chỉ đạo các địa phương cùng các cơ quan ban ngành tăng cường công tác kiểm tra giám sát mua bán thuốc BVTV, cử cán bộ hướng dẫn cho bà con cách sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật một cách có hiệu quả cao, không gây ô nhiễm môi trường.

1.2. Cây lâu năm

Cây cà phê: Các địa phương của tỉnh đang tập trung cắt cành, tạo tán và tưới đọt 4 cho cây cà phê. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã có mưa với tần suất và lượng mưa lớn, nguồn nước tưới cho cây cà phê được đảm bảo.

Hình 02. Cây lâu năm

Diện tích một số cây lâu năm chủ yếu so với cùng kỳ				
Cà phê	Cao su	Tiêu	Điều	Sầu riêng
				
214.006 ha	29.583 ha	27.730 ha	27.486 ha	38.800 ha
▲ 0,90%	▼ 8,05%	▼ 2,98%	▲ 5,02%	▲ 18,34%

Cây cao su: Diện tích cao su hiện nay 29.583 ha, giảm 8,05% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng mủ cao su khai thác toàn tỉnh tháng 5/2025 ước đạt 4.500 tấn, tăng 1,51% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, sản

¹ Trên cây Lúa vụ Đông xuân: Rầy nâu TLH 5-15%, mật độ 300-700 con/m² DTN 08 ha (Ea Kar, Ea Súp) giảm 26,5 ha so với kỳ trước; bệnh khô vằn TLH 5-20%, DTN 05 ha (Ea Súp, Ea Kar) giảm 21 ha so với kỳ trước; sâu cuốn lá lớn TLH 5-14%, DTN 03 ha (Ea Kar); sâu đục thân (bông bạc) TLH 5-12%, DTN 2,7 ha (Ea Kar); bệnh đốm sọc vi khuẩn TLH 6-25%, DTN 2,6 ha (Ea Kar); bệnh bạc lá TLH 5-10%, DTN 02 ha (Ea Súp).

Trên cây cà phê: Cây cà phê: Rệp sáp TLH 5-20%, DTN 30 ha (Krông Búk, Krông Năng, Cư Kuin, Ea Kar, Cư Kuin); bệnh khô cành TLH 6-14%, DTN 6,6 ha (Ea Kar, Lắk); bệnh gỉ sắt TLH 3-10%, DTN 4,3 ha (Krông Búk, Ea H'leo); bệnh nấm hồng TLH 3-15%, DTN 3,9 ha (Ea Kar, Ea H'leo); bệnh đốm mắt cua TLH 3-5%, DTN 2,5 ha (Ea H'leo).

Trên cây Hồ tiêu: Bệnh chết chậm TLH 1-10%, DTN 20,8 ha (Cư M'gar, Krông Búk, Ea H'leo, Cư Kuin); bọ xít lười TLH 3-6%, DTN 4,5 ha (Ea H'leo); rệp sáp gốc TLH 3-25%, DTN 4,1 ha (Ea Kar, Cư Kuin).

lượng mủ cao su khai thác ước đạt 12.707 tấn, tăng 1,86% trong đó sản chủ yếu là sản lượng của 03 công ty cao su nhà nước, các hộ cá thể hầu như không khai thác.

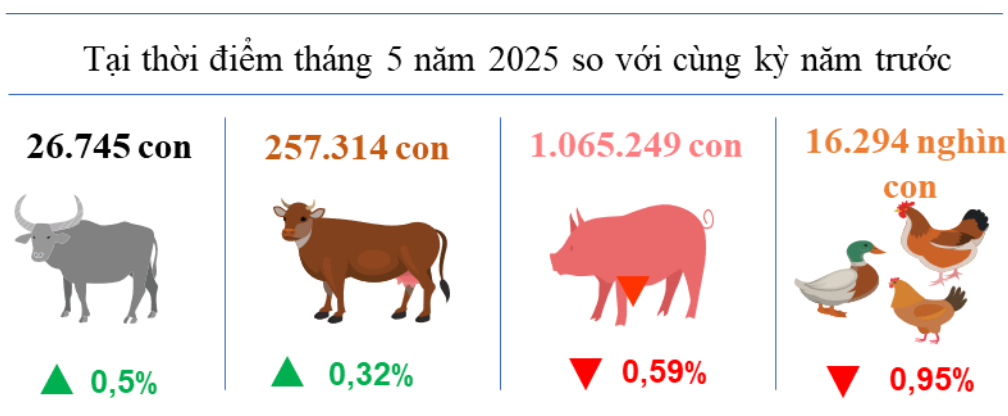
Cây tiêu: Hiện nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thu hoạch xong cây tiêu, dự báo sản lượng tiêu năm nay đạt 74.827 tấn, tăng 0,26% so với cùng kỳ năm trước do diện tích cho sản phẩm tăng. Dự báo trong những thời gian tới diện tích cây tiêu trồng mới sẽ tăng mạnh do giá tiêu hiện nay đang ở mức khá cao từ 160.000-162.000 đồng/kg.

Cây lâu năm khác: Hiện nay, *cây điều và cây sầu riêng* trong đang giai đoạn ra hoa và đậu quả. Các địa phương trong tỉnh đang tập trung chăm sóc như phun thuốc đốn ra hoa đậu quả, phòng trừ sâu bệnh nhằm nâng cao năng suất và sản lượng. Dự báo trong thời gian tới, diện tích 02 loại cây này sẽ tiếp tục tăng do giá điều và sầu riêng được kỳ vọng vẫn sẽ duy trì ở mức cao, người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

1.3. Công tác chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi trong tháng 5/2025 như sau: Ước số lượng đàn trâu là 26.745 con, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; số con xuất chuồng trong tháng là 960 con, tăng 1,05%; Sản lượng thịt trâu xuất chuồng đạt 270 tấn, tăng 1,89%; Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, sản lượng thịt trâu ước đạt 1.292 tấn, tăng 1,97% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3. Số lượng gia súc, gia cầm



Đàn bò hiện có 257.314 con, tăng 0,32% so với cùng kỳ năm trước là do nguồn thức ăn dồi dào, người dân tranh thủ tái đàn. Ước số con xuất chuồng trong tháng 5/2025 là 7.850 con, tăng 0,64%; Sản lượng thịt bò xuất chuồng là 1.735 tấn, tăng 0,87%; Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 9.442 tấn, tăng 0,76% so với cùng kỳ năm trước là do nhu cầu tiêu dùng của người dân trong dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ, Lễ hội Xuân 2025 và các ngày lễ tăng.

Đàn lợn hiện có 1.065.249 con, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,59%. Ước số con xuất chuồng trong tháng 5/2025 là 196.374 con, tăng 0,58% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng là 18.395 tấn, tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 87.683 tấn, tăng 1,05%.

Đàn gia cầm hiện có 16.294 nghìn con gia cầm, so với cùng kỳ năm trước giảm 0,95%. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng trong tháng 5/2025 là 6.376 tấn, tăng 1,93%; Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 38.145 tấn, tăng 1,75%; sản lượng trứng gia cầm ước đạt 252.063 nghìn quả, tăng 1,78%, trong đó sản lượng trứng gà đạt gần 179.374 nghìn quả, tăng 1,40% so cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh đến nay vẫn ổn định, dịch bệnh chỉ xảy ra rải rác ở một vài nơi, diễn biến ở mức độ nhẹ⁽²⁾. Tuy vậy, các ngành, các cấp có liên quan vẫn tích cực chỉ đạo chính quyền địa phương và nhân dân thực hiện tốt công tác giám sát trong thời điểm giao mùa, nhằm phát hiện, điều trị và xử lý kịp thời, tránh để dịch bệnh lây lan, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, tăng cường công tác phòng chống dịch ở các chốt kiểm dịch đầu mối ra vào tỉnh và công tác kiểm soát giết mổ trên địa bàn đặc biệt trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

Hiện nay, người dân vẫn đang tập trung vào công tác tái đàn nhằm duy trì được nguồn thực phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, ngành Nông nghiệp của tỉnh đã và đang hỗ trợ người dân về con giống, thức ăn, vắc xin phòng chống dịch bệnh.

Công tác kiểm dịch: Trong tháng 5/2025, Chi cục thú y các cấp đã kiểm dịch xuất tỉnh được 176.873 con gia súc, gia cầm. Trong đó: trâu 9 con, bò 3 con, heo 7.517 con, gà 150.100 con, vịt và ngan 19.140 con. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 kiểm dịch xuất tỉnh là 1564.375 con gia súc, gia cầm.

Kiểm dịch nhập tỉnh tháng 5/2025 là 399.113 con gia súc, gia cầm. Trong đó: bò 34 con, heo 9.466 con, gà 389.613 con. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, Chi cục thú y các cấp đã kiểm dịch nhập tỉnh là 6.223.004 con gia súc, gia cầm.

² *Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP):* Trong tháng, dịch bệnh phát sinh và tiêu hủy mới 18 con, khối lượng tiêu hủy 1.751 kg. Tại 02 hộ, 02 thôn, 02 phường, thị trấn; Tp Buôn Ma Thuột và huyện Cư M'gar. Lũy kế Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra làm chết và tiêu hủy 56 con lợn, khối lượng tiêu hủy 3.725 kg tại 05 hộ, 03 thôn, 02 huyện/thành phố (Buôn Ma Thuột và Cư Mgar).

1.4. Lâm nghiệp

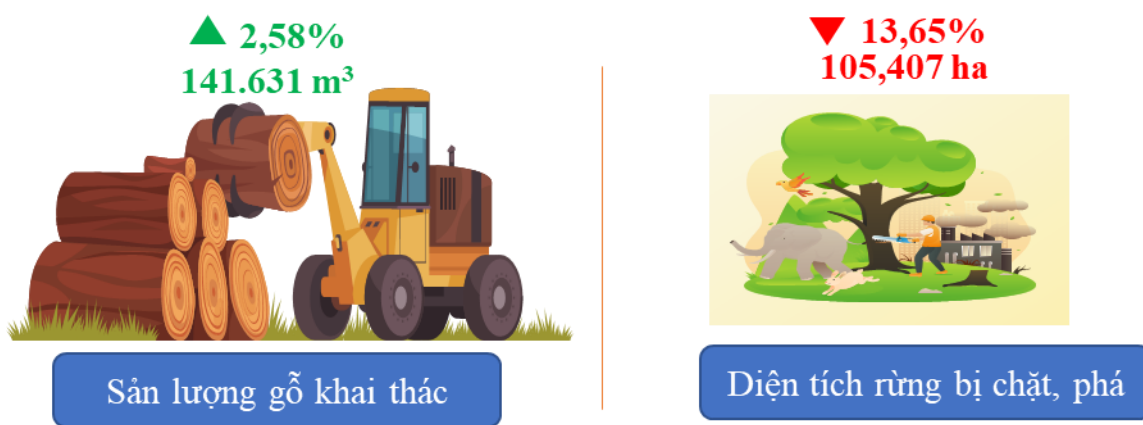
Công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng tiếp tục được các ngành chức năng, các địa phương và các chủ rừng chú trọng thực hiện. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép vẫn còn xảy ra.

Khai thác lâm sản: Trong tháng 5/2025, sản lượng gỗ toàn tỉnh khai thác ước đạt 27.975 m³, tăng 0,86% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là gỗ nguyên liệu giấy. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 141.631 tấn, tăng 2,58%. Sản lượng củi khai thác tháng 5/2025 ước đạt 68.230 ste, tăng 0,34%; tính chung 5 tháng đầu năm 2025 là 346.106 ste, tăng 2,40%. Hiện nay, việc khai thác củi ở vùng sâu vùng xa vẫn còn do một số hộ người dân đồng bào khai thác phục vụ nhu cầu đun nấu, sưởi ấm.

Hình 4. Sản xuất Lâm nghiệp

LÂM NGHIỆP

Ước 5 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Phát triển rừng: Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang phối hợp với Chi cục lâm nghiệp nghiệm thu kết quả trồng rừng năm 2024. Các công ty lâm nghiệp và các địa phương đã và đang thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng tránh cháy rừng. Đồng thời tiến hành làm đất, giồng để chuẩn bị cho công tác trồng rừng năm 2025.

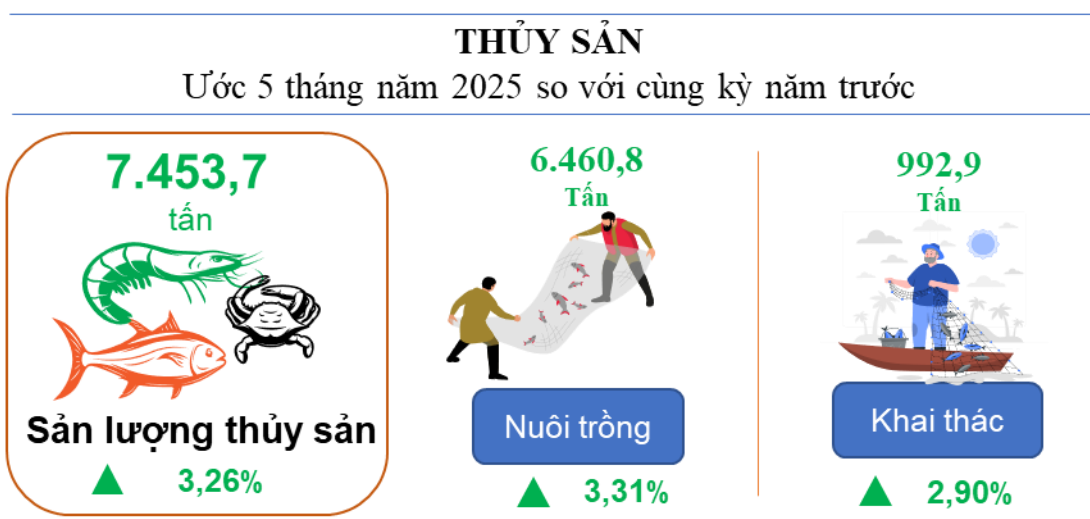
Quản lý bảo vệ rừng: Trong những tháng đầu năm 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các ngành chức năng phải thường xuyên tổ chức các Đoàn kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các chủ rừng, đơn vị triển khai công tác PCCCR và tổ chức triển khai công tác phòng chống chặt phá rừng tại các địa phương, đơn vị; đảm bảo công tác trực 24/24 giờ, cảnh báo và xử lý kịp thời tình huống xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép...

Trong tháng 5/2025, tổng số vụ vi phạm lâm luật là 107 vụ, giảm 16,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó phá rừng trái phép là 82 vụ, giảm 27,43%; diện tích bị phá là 19,059 ha, giảm 31,13%; lâm sản tịch thu 14,295 m³ gỗ các loại, giảm 70,21%; phương tiện tịch thu các loại 7 chiếc, tổng số tiền nộp ngân sách 286,4 triệu đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, tổng số vụ vi phạm là 487 vụ, trong đó phá rừng là 387 vụ, giảm 14,0% so với cùng kỳ năm trước, với diện tích 105,407 ha, giảm 13,65%; lâm sản tịch thu 87,423 m³ gỗ các loại, giảm 44,91%, phương tiện tịch thu các loại 23 chiếc, đã nộp ngân sách gần 637,7 triệu đồng.

1.5. Thủy sản

Mùa mưa năm nay đến sớm hơn so với cùng kỳ, mực nước trên ao hồ, sông suối tại các địa phương trên địa bàn tỉnh dồi dào, công tác nuôi trồng và khai thác của người dân vẫn phát triển và ổn định, đặc biệt là việc nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao trên các lồng bè.

Hình 5. Sản lượng thủy sản



Sản lượng thủy sản toàn tỉnh tháng 5/2025 ước đạt 1.562 tấn, tăng 1,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng nuôi trồng là 1.308 tấn, tăng 1,66%; sản lượng khai thác là 254 tấn, tăng 1,99%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 7.453,7 tấn, tăng 3,26% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 6.460,8 tấn, tăng 3,31%; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 992,9 tấn, tăng 2,90% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng cá giống các loại trong tháng 5/2025 ước đạt khoảng 31,70 triệu con, tăng 3,87% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 sản lượng cá giống đạt 156,3 triệu con, tăng 2,32% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình nuôi trồng thủy sản lồng bè: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 71 cơ sở nuôi lồng bè: 02 doanh nghiệp, 3 hợp tác xã, 66 hộ dân nuôi lồng bè. Số lồng bè hiện có là 919 lồng bè với thể tích là 124.254 m³.

1.6 Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM)

Các ngành và các địa phương tiếp tục tập trung triển khai Chương trình xây dựng NTM; chú trọng nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện chương trình, tập trung hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao.

Tính đến nay, toàn tỉnh có 81/149 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới³, đạt bình quân 16,6 tiêu chí/xã. Toàn tỉnh công nhận được 315 sản phẩm OCOP (gồm: 02 sản phẩm đạt 5 sao, 01 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 40 sản phẩm đạt 4 sao và 272 sản phẩm đạt 3 sao) của 187 chủ thể⁴.

2. Tài chính, ngân hàng

Thu ngân sách nhà nước trong 5 tháng đầu năm 2025 tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước (+35,07%). Trong đó, tăng mạnh nhất là thu nội địa. Chi ngân sách nhà nước đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước; đảm bảo an sinh xã hội.

Thu ngân sách đến hết ngày 31/5/2025: Tổng thu cân đối NSNN thực hiện 4.933.376 triệu đồng, đạt 62,78% dự toán TW và đạt 54,82% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 35,07% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thu nội địa ước đạt 4.917.470 triệu đồng, đạt 63,18% dự toán TW và đạt 55,20% dự toán HĐND tỉnh. Thu nội địa tăng cao nhờ đóng góp của thu thuế, phí và lệ phí 3.311.885 triệu đồng, đạt 58,45% dự toán TW và đạt 57,43% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 16,20%; Thu biện pháp tài chính 1.504.384 triệu đồng, đạt 77,09% dự toán TW giao và đạt 50,80% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 126,10%; Thu xổ số kiến thiết 101.201 triệu đồng, đạt 61,33% dự toán TW và 56,22% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27,25% so cùng kỳ năm trước. Thu xuất, nhập khẩu đạt 15.906 triệu đồng, đạt 21,21% dự toán TW và 17,29% dự toán HDND, giảm 72,28% so cùng kỳ.

³ Trong đó: 74 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; 05 xã đã gửi hồ sơ các Sở, ngành xem xét lấy ý kiến trước khi tiến hành thẩm định; 02 xã đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp tỉnh xem xét, thẩm định)

⁴ Gồm: 64 doanh nghiệp, 43 Hợp tác xã và 80 Hộ kinh doanh/cơ sở sản xuất.

Hình 6. Thu chi ngân sách Nhà nước

THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Tính đến 31/5/2025)



Chi ngân sách đến hết ngày 31/5/2025: Tổng chi ngân sách địa phương 11.357.877 triệu đồng, đạt 42,43% dự toán TW giao và đạt 40,29% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 18,55% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển 4.342.372 triệu đồng, đạt 58,72% dự toán TW giao và đạt 51,57% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 0,34%. Tổng chi thường xuyên 7.015.506 triệu đồng, đạt 37,01% dự toán TW giao và đạt 36,45% dự toán HĐND giao, tăng 34,39%; chi trả nợ lãi, chi dự phòng và chi tạo nguồn tiền lương không phát sinh.

Ngân hàng: Ước đến hết tháng 05/2025, tổng nguồn vốn huy động ước đạt 103.720 tỷ đồng, tăng 7,2% so với đầu năm; Dự nợ tín dụng toàn địa bàn ước đạt 179.500 tỷ đồng, tăng 5,8% so với đầu năm. Dự nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đạt 8.508 tỷ đồng, chiếm 6% tổng dự nợ.

3. Sản xuất công nghiệp

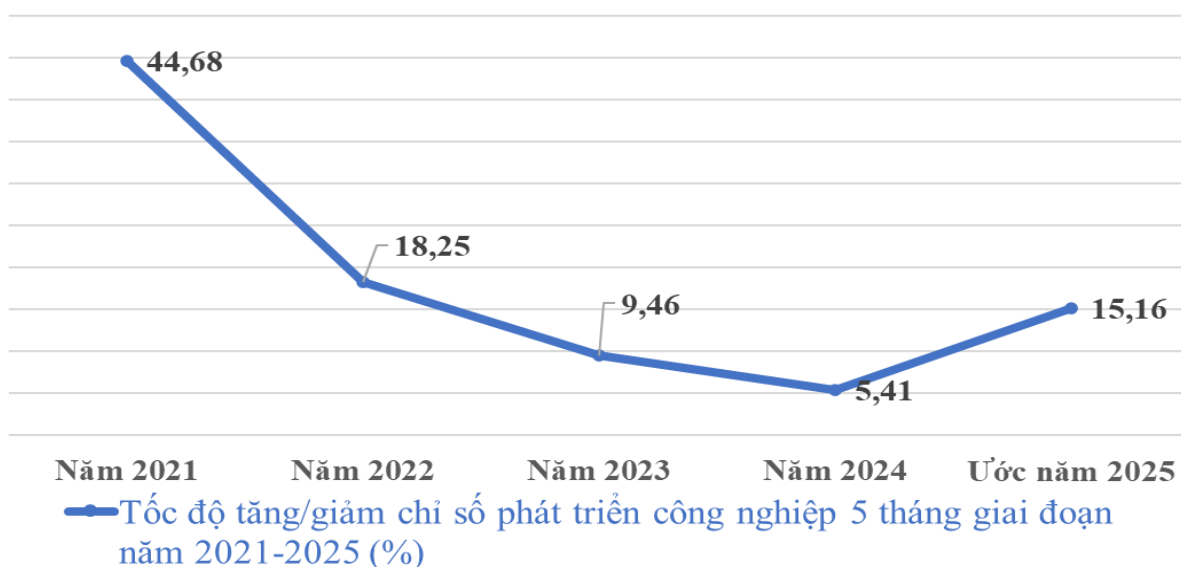
Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng. Chỉ số của 4/4 ngành công nghiệp chính đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Nổi bật trong đó chính là ngành sản xuất và phân phối điện khí đốt với mức tăng trưởng tích cực (+19,77%). Sau nhiều kỳ tăng trưởng âm, ngành khai khoáng đã bắt đầu tăng trưởng trở lại nhờ khắc phục những khó khăn trong cơ chế, thủ tục khai thác tài nguyên.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 5/2025 tỉnh Đắk Lắk 3,37% so với tháng trước và tăng 20,06% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng giảm 4,59% so với tháng trước và tăng 43,92% so cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo 5,52% và tăng 26,32%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 0,19% và tăng 11,79%; ngành cung cấp

nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,85% so tháng trước, tăng 12,85% so với cùng kỳ năm 2024.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, *chỉ số sản xuất công nghiệp* tỉnh Đắk Lắk tăng 15,16% so cùng kỳ năm trước. *Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng* tăng 12,17% so cùng kỳ, trong đó: Sản phẩm đá xây dựng đạt 681,4 ngàn m³, tăng 12,88%.

Hình 7. Tốc độ tăng/giảm chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) 5 tháng giai đoạn 2021-2025



Chỉ số công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,77% so cùng kỳ, có 09/14 ngành đều tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó nổi bật nhất là các ngành như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 89,35%, sản phẩm giày dép có đế hoặc mũ bằng da tăng 86,59%; tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 68,61%, sản phẩm tóc giả, lông mi giả...tăng 68,61%; ngành sản xuất kim loại tăng 30,29%, sản phẩm sắt thép không hợp kim cán phẳng... tăng 30,29%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,66%, sản phẩm bao và túi từ plastic khác tăng 29,56%, bao bì đóng gói khác bằng plastic tăng 69,54%; sản xuất trang phục tăng 15,34%, sản phẩm quần áo tăng 18,76%; ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 14,98%, trong đó, sản phẩm tinh bột sắn tăng 44,46%, cà phê bột tăng 18,92%, thức ăn gia súc tăng 88,19%...Ở chiều ngược lại, toàn tỉnh có 06/14 ngành công nghiệp có sự sụt giảm, trong đó giảm mạnh nhất là ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 48,13%, sản phẩm ghế khác có khung bằng gỗ giảm 41,11%, sản phẩm bàn bằng gỗ các loại giảm mạnh, giảm 83,72%; tiếp đó là ngành in, sao chép bản ghi các loại giảm 25,59%, sản phẩm báo in giảm 25,59%; ngành sản xuất đồ uống giảm 7,0%, sản phẩm bia đóng chai giảm 13,26%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 6,74%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa...giảm

2,08%;...đã tác động tiêu cực đến chỉ số sản xuất công nghiệp ngành chế biến, chế tạo 5 tháng đầu năm 2025.

Tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và đóng góp nhiều nhất cho chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2025 đó là *chỉ số ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt* tăng 19,77% so cùng kỳ, sản lượng điện sản xuất đạt 2.357 triệu kwh, tăng 27,30% là do đóng góp của thủy điện, điện mặt trời và điện gió⁵. Sản lượng điện thương phẩm đạt 1.154 triệu Kwh, tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu 1. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 5 tháng giai đoạn 2021-2025 so với cùng kỳ năm trước của một số ngành công nghiệp chủ yếu

	2021	2022	2023	2024	2025
Khai khoáng khác	+15,12	-31,46	+10,94	+21,25	+12,71
Sản xuất, chế biến thực phẩm	-3,77	+21,17	+34,17	+14,07	+14,98
Sản xuất đồ uống	+21,51	+1,37	-31,96	+42,30	-7,0
Sản xuất trang phục	-12,43	-26,30	+28,20	+40,67	+15,34
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tre, nứa (trừ giường, tủ bàn, ghế)	+13,21	+139,78	+0,81	+44,72	-2,08
In, sao chép bản ghi các loại	+72,27	-8,02	+17,52	+9,65	-25,59
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	+1,05	-9,39	-0,66	+53,20	+3,71
Sản xuất kim loại	+31,22	-28,61	-11,82	-1,54	+30,29
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	+83,06	-31,74	-24,71	-7,97	+48,13
Sản xuất phân phối điện, khí đốt...	146,30	+29,97	+0,27	-4,80	+19,77

Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,71% so cùng kỳ, sản lượng nước ghi thu đạt 17.893 ngàn m³, giảm 0,02% so cùng kỳ; dịch vụ thu gom xử lý rác thải đạt 38,7 tỷ đồng, tăng 11,55% so cùng kỳ.

Nhìn chung, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp quý 5 tháng đầu năm 2025 ảnh hưởng bởi một số yếu tố sản xuất sau: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng trưởng trở lại do đã khắc phục được những khó khăn trong cơ chế, chính sách khai

⁵ Thủy điện là 1.315 triệu KWh, tăng 44,12% so với cùng kỳ năm trước, điện gió 400 triệu KWh, tăng 25,80%, điện mặt trời là 642 triệu KWh tăng 3,35%

thác và đơn đặt hàng tăng; ngành công nghiệp chế biến tăng trưởng do đóng góp của sản phẩm tinh bột sắn, cà phê bột, thức ăn gia súc, quần áo, giày dép tăng trưởng... Một số sản phẩm phân vi sinh, bao bì, túi plastic... đều tăng nhu cầu hàng hoá tăng. Tuy nhiên, một số sản phẩm khác như bàn ghế gỗ các loại, phân khoáng các loại vẫn gặp khó khăn do tình hình chính trị căng thẳng của các quốc gia trên thế giới đã tác động mạnh vào thị trường xuất nhập khẩu trong và ngoài nước. Ngành sản xuất phân phối điện, nước tăng các nhà máy điện hoạt động ổn định và tăng trưởng so với cùng kỳ. Dự báo trong những tháng tiếp theo biên độ tăng chỉ số sản xuất IIP của tỉnh sẽ có nhiều biến động do tác động của chính sách thuế đối ứng của Mỹ và chính sách tiền tệ thắt chặt của các quốc gia lớn trên thế giới.

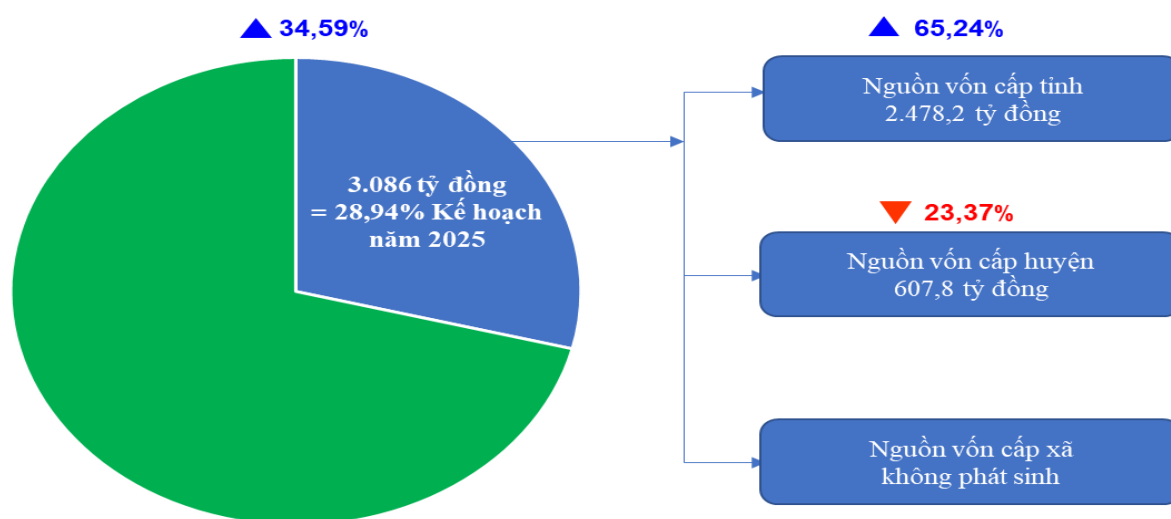
**Chỉ số sử dụng lao động* đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 5/2025 tăng 0,66% so tháng trước và tăng 18,07% so với cùng kỳ năm trước. Tháng chung 5 tháng đầu năm 2025, chỉ số sử dụng lao động tăng 24,57% so với cùng kỳ. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 63,98%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 5,24%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 49,97%. Tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp khai khoáng giảm 0,14%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 34,45%; công nghiệp sản xuất phân phối điện tăng 4,10%; công nghiệp cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2,55% so cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước, nhờ những chuyển biến tích cực trong công tác giải ngân vốn đầu tư công. Đây là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

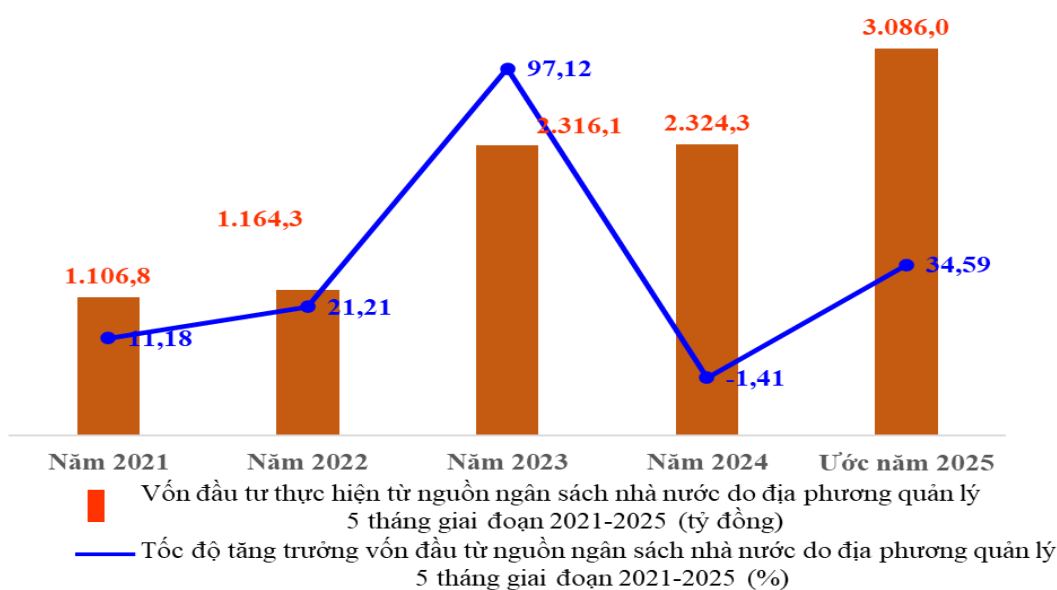
Tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tháng 5/2025 đạt 724,1 tỷ đồng, tăng 12,32% so với tháng trước, tăng 47,10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nguồn vốn cấp tỉnh đạt 598,8 tỷ đồng, tăng 18,42% và tăng 93,88%; nguồn vốn cấp huyện đạt 125,3 tỷ đồng, giảm 9,87% và giảm 31,67%.

Hình 9. Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý 5 tháng đầu năm 2025 chia theo nguồn vốn



Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt gần 3.086 tỷ đồng, bằng 28,94% kế hoạch năm, tăng 34,59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh ước đạt 2.478,2 tỷ đồng, chiếm 80,30% tổng nguồn vốn, tăng 65,24% so với cùng kỳ chủ yếu là tăng ở nguồn vốn ODA và thu từ quỹ sử dụng đất; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện ước đạt 607,8 tỷ đồng, chiếm 19,70%, giảm 23,37%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã không phát sinh trong kỳ.

Hình 8. Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý 5 tháng giai đoạn 2021-2025



Năm 2025 là năm về đích của kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025 và với mục tiêu tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025 là trên 8% thì việc hoàn thành tốt kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 là vô cùng quan trọng. Chính vì vậy ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các doanh nghiệp tập trung tháo gỡ những vướng mắc, thủ tục hành chính cũng như công tác giải phóng mặt bằng của các dự mới đồng thời tăng cường hơn nữa việc thi công thực hiện các dự án lớn, trọng điểm được chuyển tiếp từ năm trước qua.

Một số công trình, dự án có tiến độ và giá trị thực hiện lớn tiếp tục được đầu tư như: Dự án thành phần 3 (Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Buôn Ma Thuột – Khánh Hoà) ước thực hiện 735.692 triệu đồng; Xây dựng Hệ thống chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 ước thực hiện 88.386 triệu đồng; Bệnh viện đa khoa Thị xã Buôn Hồ ước thực hiện 139.051 triệu đồng; Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung Bướu thuộc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên ước thực hiện 133.045 triệu đồng; Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị hạn hán ước thực hiện 32.445 triệu đồng; Hồ thủy lợi Ea Tam ước thực hiện 30.408 triệu đồng; Trường Trung học phổ thông Dân tộc Nội trú Đam San (giai đoạn 02) ước thực hiện 27.865 triệu đồng...

Tình hình thu hút đầu tư: Tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong tháng, tiếp nhận 15 lượt hồ sơ dự án đề nghị quyết định chủ trương đầu tư với tổng số vốn đầu tư 1.795,1 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho 02 dự án với tổng số vốn đầu tư 575,7 tỷ đồng. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, tỉnh đã tiếp nhận 57 lượt hồ sơ dự án; hiện đang xử lý 24 dự án đề nghị quyết định chủ trương đầu tư với tổng số vốn đầu tư 5.733,9 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho 08 dự án với tổng số vốn đầu tư 1.075,6 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh 20 dự án về các nội dung tiến độ, diện tích sử dụng đất.. làm tăng tổng vốn đầu tư là 48 tỷ.

Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 02 dự án trong KCN Hòa Phú. Tính đến ngày 14/5/2025, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào KCN Hòa Phú là 59 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 6.104 tỷ đồng, trong đó có 05 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.224 tỷ đồng, tương đương 92,6 triệu USD.

5. Hoạt động của doanh nghiệp

Trong tháng 5 năm 2025, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển bình thường, chưa có nhiều biến động do Chính phủ vẫn đang trong quá trình đàm phán thuế đối ứng với nước Mỹ. Một số doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ, may mặc...trên địa bàn tỉnh được dự báo là sẽ gặp nhiều khó khăn khi đơn hàng sản xuất giảm do tình hình chính trị, kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp.

Hình 10. Doanh nghiệp



Về phát triển doanh nghiệp (DN): Trong tháng 5/2025 toàn tỉnh có 150 DN mới thành lập, giảm 5,66% so với tháng trước, với tổng vốn đăng ký là 722 tỷ đồng, giảm 2,96% so với tháng trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh ước có 691 doanh nghiệp mới thành lập, đạt 21,68% so với KH, tăng 18,96% so với cùng kỳ năm trước với tổng vốn điều lệ đăng ký là 12.989 tỷ đồng. Tương tự, toàn tỉnh có 251 DN tạm ngừng kinh doanh đã quay trở lại hoạt động, tăng 24,88% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường: Trong tháng 5/2025, toàn tỉnh có 12 DN giải thể và 40 DN tạm ngừng hoạt động. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 số lượng DN giải thể là 93 DN, giảm 7,0% so với cùng kỳ năm trước; số lượng DN tạm ngừng hoạt động là 721 DN, tăng 23,04% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình thế giới trong những tháng tiếp theo được dự báo là sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường; DN được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn do giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao; khó khăn về tài chính, thị trường quốc tế bị thu hẹp tiếp tục là những cản trở trong hoạt động của DN.

6. Giao thông vận tải

Hoạt động vận tải tháng 5 và 5 tháng năm 2025 tiếp tục sôi động, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn tỉnh cũng như khách du lịch đến với địa phương, phục vụ sản xuất và xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyên phát tháng 5/2025 ước đạt 337,3 tỷ đồng, tăng 2,35% so với tháng trước, tăng 11,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải hành khách đạt 137,8 tỷ đồng, tăng 1,97% so với tháng trước và tăng 33,31% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 84,9 tỷ đồng, tăng 2,64% và giảm 18,42%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 73,7 tỷ đồng, tăng 2,74% và tăng 8,28%; dịch vụ bưu chính chuyên phát đạt 40,9 tỷ đồng, tăng 2,38% so tháng trước và tăng 46,87% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyên phát ước đạt 1.677,6 tỷ đồng, tăng 15,12% so cùng kỳ năm 2024. Trong đó, doanh thu của vận tải hành khách đạt 596,2 tỷ đồng, tăng 11,63%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 516,6 tỷ đồng, tăng 0,66%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 363,7 tỷ đồng, tăng 39,20%; dịch vụ bưu chính chuyên phát đạt 201,1 tỷ đồng, tăng 35,23% so với cùng kỳ năm trước.

Vận chuyển và luân chuyển hành khách trong tháng 5/2025 ước đạt 1.657 ngàn lượt hành khách và 151 triệu lượt hành khách.km, so với tháng trước tăng 2,03% về khối lượng vận chuyển, tăng 1,52% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước tăng 15,47% về khối lượng vận chuyển và tăng 15,77% về khối lượng luân chuyển. Vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 236 ngàn tấn và 74 triệu tấn.km, so với tháng trước tăng 2,16% về khối lượng vận chuyển và tăng 2,19% về khối lượng luân chuyển; so với cùng kỳ năm trước giảm 25,55% về khối lượng vận chuyển và giảm 9,37% về khối lượng luân chuyển.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, vận chuyển và luân chuyển hành khách đạt 6.921 ngàn lượt hành khách và 705 triệu lượt hành khách.km, so với cùng kỳ năm trước giảm 2,40% về khối lượng vận chuyển và tăng 8,33% về khối lượng luân chuyển. Tương tự, vận chuyển và luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.427 ngàn tấn và 408 triệu tấn.km, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,33% về khối lượng vận chuyển và tăng 13,82% về khối lượng luân chuyển.

7. Thương mại – Dịch vụ

7.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

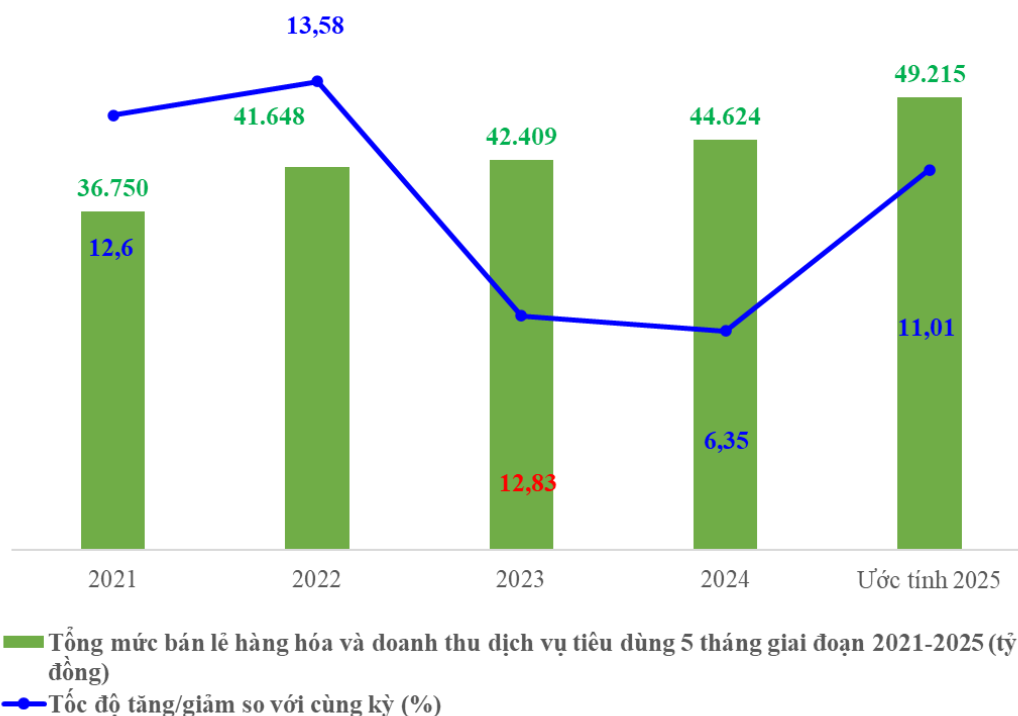
Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ và du lịch của người dân vẫn tiếp tục tăng đã góp phần duy trì sự tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025. Thương mại điện tử ngày càng phát triển và đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của ngành thương mại.

Biểu 2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Ước tính tháng 5 năm 2025 (tỷ đồng)	Ước tính 5 tháng năm 2025 (tỷ đồng)	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 5 năm 2025	5 tháng năm 2025
Tổng số	10.052,8	49.214,8	+13,08	+11,01
Bán lẻ hàng hóa	8.475,8	41.843,7	+10,79	+9,95
Dịch vụ lưu trú, ăn uống,	903,4	4.251,3	+26,89	+16,74
Doanh thu dịch vụ lữ hành	11,4	33,9	+13,93	+4,66
Dịch vụ khác	662,2	3.085,9	+27,79	+18,65

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 5/2025 ước đạt 10.052,8 tỷ đồng, giảm 0,27% so với tháng trước và tăng 13,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.475,8 tỷ đồng, giảm 1,07% so với tháng trước, tăng 10,79% so với cùng kỳ năm trước. Một số mặt hàng bán lẻ tăng so với cùng kỳ năm trước như nhóm hàng ô tô các loại tăng 45,57%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 29,54%; hàng hoá khác tăng 27,03%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 27,50%;... Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 903,4 tỷ đồng, tăng 4,65% so với tháng trước, tăng 26,89% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 91,1 tỷ đồng, tăng 6,11% so với tháng trước và tăng 30,81% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ ăn uống ước đạt 812,3 tỷ đồng, tăng 4,48% và tăng 26,46%. Doanh thu dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 11,4 tỷ đồng, tăng 21,58% và tăng 13,93%. Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 662,2 tỷ đồng, tăng 3,55% so với tháng trước và tăng 27,79% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng giai đoạn các năm 2021-2025



Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 thì *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng* đạt 49.214,8 tỷ đồng, tăng 11,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, *doanh thu bán lẻ hàng hoá* ước đạt 41.843,7 tỷ đồng, tăng 9,95%. Xét theo doanh thu của các mặt hàng bán lẻ một số mặt hàng có mức tăng trưởng thì cao nhất là ô tô các loại tăng 46,22%, tiếp theo là sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ tăng 29,97%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 28,59%; phương tiện đi lại tăng 17,71%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 13,16%; vật phẩm văn hoá giáo dục tăng 12,07%;... Một số mặt hàng giảm hoặc thấp hơn mức tăng chung như: Nhiên liệu khác giảm 2,47%; hàng may mặc chỉ tăng 4,60%; tương tự, xăng dầu các loại cũng chỉ tăng 0,15%...Các mặt hàng này đã tác động đến tổng mức bán lẻ trong kỳ.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 4.251,3 tỷ đồng, tăng 16,74% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, *doanh thu dịch vụ lưu trú* đạt 465,9 tỷ đồng, tăng 42,07%; *dịch vụ ăn uống* đạt 3.785,4 tỷ đồng, tăng 14,24%. *Dịch vụ lữ hành và hỗ trợ du lịch* đạt 33,9 tỷ đồng, tăng 4,66%.

Doanh thu dịch vụ khác đạt 3.085,9 tỷ đồng, tăng 18,65%. Phân theo nhóm, ngành hàng thì dịch vụ thì tăng trưởng cao nhất là ngành dịch vụ y tế và

hoạt động trợ giúp hỗ trợ xã hội đạt 920,9 tỷ đồng, tăng 43,37%...; tiếp đến là ngành dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 443,3 tỷ đồng, tăng 38,49%; ngành dịch vụ giáo dục và đào tạo đạt 317,6 tỷ đồng, tăng 33,73%...Ở chiều ngược lại, ngành dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí chỉ đạt 407,6 tỷ đồng, giảm 19,03%; Một số ngành có mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng chung như dịch vụ khác chỉ tăng 4,61%; dịch vụ kinh doanh bất động sản cũng chỉ tăng 7,79%.

7.2. Số lượt khách do các cơ sở lưu trú và lữ hành phục vụ

Ngành du lịch tỉnh đã phối hợp với các doanh nghiệp khẩn trương tổ chức chuỗi hoạt động lễ hội, sự kiện văn hóa sôi động nhằm kích cầu du lịch tại địa phương nổi bật trong đó chính là mùa du lịch hè 2025. Bên cạnh đó các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh cũng tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách du lịch.

Trong tháng 5/2025, các đơn vị lưu trú trên địa bàn tỉnh đã phục vụ 236.728 lượt khách, tăng 10,83% so với tháng trước, tăng 25,79% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lượt khách ngủ qua đêm là 157.581 lượt khách, tăng 10,80% và tăng 33,43%; lượt khách trong ngày là 79.147 lượt, tăng 10,89% và tăng 12,92%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, *tổng số lượt khách phục vụ* là 1.185.999 lượt, tăng 33,12% so với cùng kỳ năm trước; trong đó lượt khách ngủ qua đêm là 780.809 lượt, tăng 35,92%, khách trong ngày là 405.190 lượt, tăng 28,02% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với dịch vụ lữ hành, số lượt khách phục vụ theo tuor trong tháng 5 là 1.694 lượt, tăng 134,95% so với tháng trước và tăng 36,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đi trong nước là 1.288 lượt, tăng 153,54% và tăng 32,78%; khách đi nước ngoài là 407 lượt, tăng 91,08% và tăng 48,54%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 *tổng số lượt khách du lịch theo tuor* là 4.022 lượt, tăng 7,77% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đi trong nước là 2.820 lượt, tăng 1,04%, khách đi nước ngoài là 1.004 lượt, tăng 6,81% so với cùng kỳ năm trước.

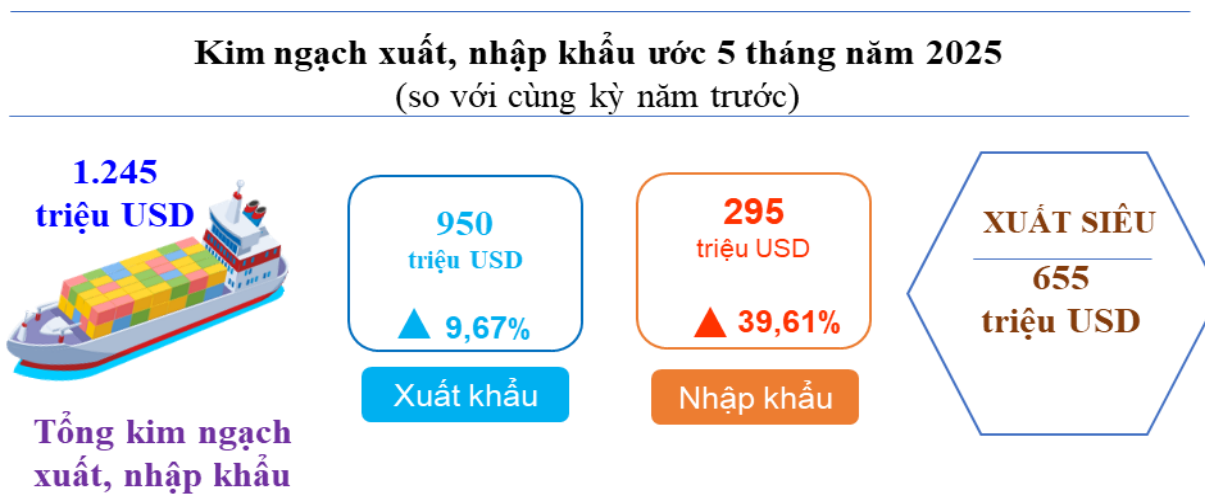
7.3 Kim ngạch xuất, nhập khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, do các nhà nhập khẩu ở các quốc gia khác gia tăng đơn hàng trước những lo ngại từ việc Mỹ áp thuế đối ứng sau thời gian gia hạn 90 ngày.

Kim ngạch xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 5/2025 của tỉnh ước đạt 180 triệu USD, giảm 23,32% so với tháng trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 là 950 triệu USD, đạt 51,08% so với KH, tăng 9,67% so với cùng kỳ trong nước.

Trong đó sản lượng cà phê đạt 100.000 tấn, giảm 39,09% so với cùng kỳ năm trước; tiêu đạt 16.000 tấn, tăng 4,02%, điều 19.500 tấn, tăng 13,40%; cao su 4300 tấn, tăng 24,67% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 12. Xuất nhập khẩu

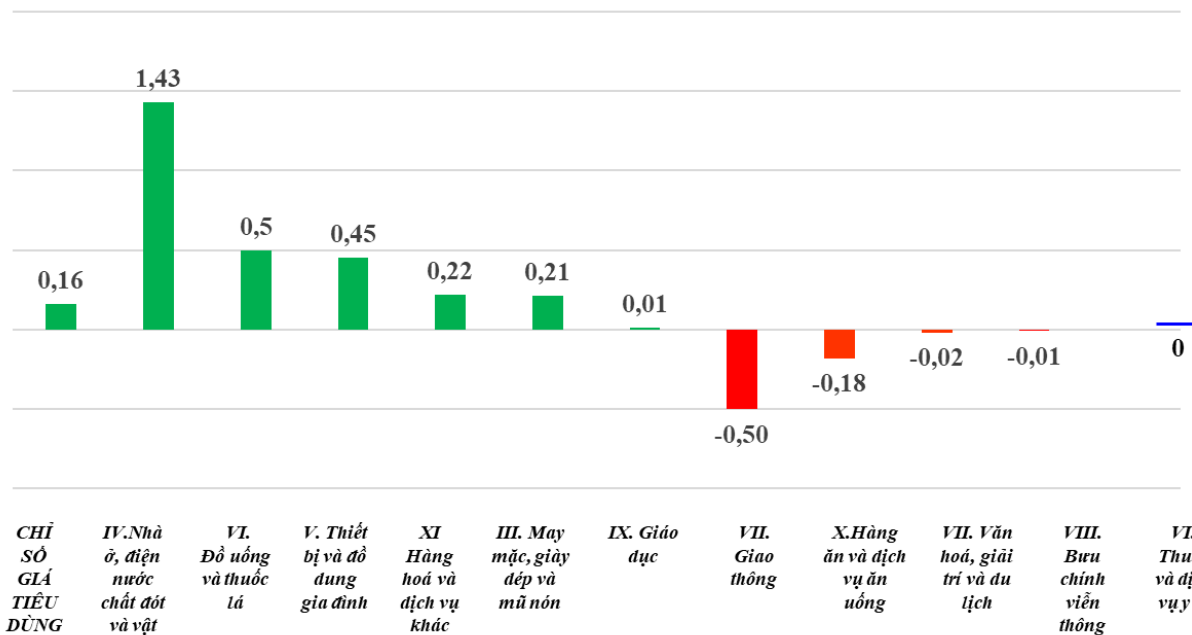


Kim ngạch nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu tháng 5/2025 toàn tỉnh ước đạt 62 triệu USD, giảm 18,85% so với tháng trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 ước đạt 295 triệu USD, đạt 56,19% so với KH, tăng 39,61% so với cùng kỳ năm trước. Các sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị, phân bón...Hiện nay các dự án công nghiệp và công trình điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh đang trong quá trình khởi công, tiếp tục thực hiện, dự báo kim ngạch nhập khẩu trong những tháng tiếp theo sẽ tăng, vì thế các doanh nghiệp phải chuẩn bị tốt mọi nguồn lực nhằm phục vụ tốt hoạt động sản xuất và kinh doanh.

8. Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2025 có nhiều biến động tăng, giảm. Giá vật liệu xây dựng, giá các loại rau tươi, khô và chế biến tăng do nguồn cung giảm và điều kiện thời tiết mưa nhiều; giá các mặt hàng hàng trang sức tăng theo giá vàng; giá vé máy bay tăng làm cho dịch vụ du lịch nước ngoài tăng. Bên cạnh đó, giá xăng dầu cùng với một số mặt hàng lương thực, thực phẩm giảm. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 5,52% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng 12 năm trước tăng 2,16%. Chỉ số giá bình quân 5 tháng đầu năm 2025 tăng 5,79%.

Hình 13. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2025 so với tháng 4/2025 (%)



Trong tháng 5/2025, có 06/11 nhóm hàng giảm giá, trong đó tăng mạnh nhất là nhóm *nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 1,43% chủ yếu do tiền thuê nhà sở hữu tư nhân tăng 2,67%, đá dăm 4*6 tăng 3,64%, gạch bê tông đặc tăng 4,57%...⁶; một số mặt hàng trong nhóm này giảm nhẹ như giá dầu hỏa giảm 1,89%, điện sinh hoạt giảm 0,84%. Tiếp đến là *nhóm Đồ uống và Thuốc lá* tăng 0,5% là do nhu cầu tăng cụ thể: Bia lon 333 tăng 2,73%, bia chai Sài gòn tăng 1,12%, thuốc lá đầu lọc tăng 1,84%. Nhóm *thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,45% là do thời tiết nắng nóng nên các mặt hàng máy điều hòa nhiệt độ tăng 2,15%; tủ lạnh 2 cửa tăng 1,06%; Quạt bàn tăng 2,03%...⁷ *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,22% là do một số mặt hàng trang sức bằng vàng tăng⁸. *Nhóm May mặc, mũ nón và giày dép* tăng 0,21% chủ yếu do Áo đi mưa tăng 4,21%; Áo sơ sinh dài tay tăng 3,21%...⁹ *Nhóm giáo dục* tăng 0,01% chủ yếu ở các mặt hàng giấy trắng, máy dập ghim tài liệu do nhu cầu tăng cho kỳ thi học kỳ II của học sinh các cấp.

⁶ Giá thép cây đốt vằn phi 10 tăng 1,29%; Giá cát vàng xây dựng tăng 2,89%; tấm lợp tôn mát tăng 2,02%. Giá nước máy sinh hoạt tăng 0,13%

⁷ Ấm đun nước bằng điện tăng 2,25%; Bộ sa lông tăng 0,72%; Giường đôi gỗ ép công nghiệp tăng 2,77%; Chiếu trúc tăng 2,44%; Tiễn công bảo dưỡng máy điều hoà tăng 2,86%...

⁸ Giá nhẫn đeo tay vàng tăng 6,90%; giá dây chuyền vàng tăng 8,05%; giá cắt tóc nam tăng 1,14%.

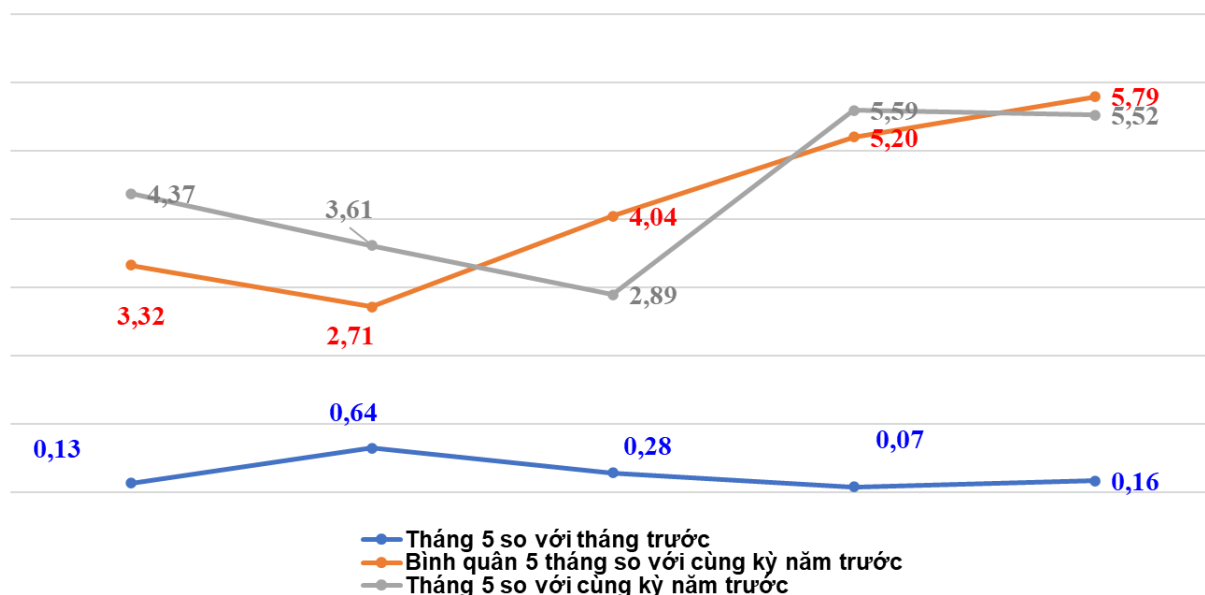
⁹ Lụa tơ tằm Thái Tuấn tăng 3,35%; Bộ quần áo mặc ở nhà của nam người lớn tăng 1,77%; Giày da của nữ tăng 1,29%.

Ở chiều ngược lại có 04/11 nhóm hàng giảm giá, trong đó giảm mạnh nhất là nhóm *giao thông* giảm 0,5% là do giá xăng, dầu trong nước điều chỉnh giảm theo giá thế giới: Giá xăng A95 giảm 1,21%, xăng sinh học E5 giảm 1,26%, giá dầu Diesel giảm 2,24%. Tiếp đến là nhóm *hàng ăn và dịch vụ ăn uống* giảm 0,18%, trong đó cả 02/3 mặt hàng chính đều giảm mà cụ thể là lương thực giảm 0,65%¹⁰, thực phẩm giảm 0,18%¹¹. Nhóm *Văn hóa, giải trí và du lịch* giảm 0,02% chủ yếu do Ti vi màu Led Sony 50 inch giảm 1,19%; ti vi màu Led Samsung 40 inch giảm 1,12%; máy ảnh kỹ thuật số giảm 1,37%; cây cảnh giảm 1,26%. Nhóm *bưu chính viễn thông* giảm 0,01% là do giá các mặt hàng điện thoại di động dòng Samsung, máy tính bảng Ipad giảm để kích tiêu dùng của người dân và công ty ra các sản phẩm mới.

Nhóm *thuốc và dịch vụ y tế* không thay đổi so với tháng trước. Giá các loại thuốc không tăng và giữ mức ổn định.

Hình 14. Chỉ số giá tiêu dùng

Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 5 và 5 tháng các năm giai đoạn 2021-2025 (%)



Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng đầu năm 2025 tăng 5,79%. Có 08/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó tăng mạnh nhất là nhóm *Thuốc và dịch vụ y tế* tăng

¹⁰ Chỉ số giá gạo tẻ thường (Khang dân hoặc tương đương) giảm 0,83%; Chỉ số giá bánh phở tươi đã thái giảm 0,97%.

¹¹ Giá thịt lợn nạc thăn giảm 1,49%; Giá thịt bò thăn loại 1 giảm 0,24%; Giá thịt dãi sườn giảm 1,21%; Giá chả quế giảm 1,41%. Giá cá quả loại 2 con giảm 1,88%; Giá thu khúc giữa giảm 1,12%; Giá trứng vịt lộn sống giảm 0,74%. Giá bí xanh giảm 3,29%; cà rốt giảm 2,19%. Giá Xoài cát giảm 10,73%; Cam giảm 2,17%; Bưởi giảm 2,41%; Táo nhập khẩu giảm 4,08%.

16,59%, trong đó dịch vụ y tế tăng 21,40% do thực hiện theo Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 31/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về việc Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh...Tiếp đến là nhóm *nhà ở, điện, nước chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 14,88%, trong đó giá nhà ở sở hữu tăng 19,07%. *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 5,96%, trong đó thực phẩm tăng 6,86%, ăn uống ngoài gia đình tăng 7,44%. *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 8,56%, nguyên nhân tác động làm cho giá tăng là do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng mạnh trong dịp Tết Nguyên đán, chi phí đầu vào tiếp tục tăng; một số dịch vụ điều hành giá của nhà nước tăng; các mặt hàng trang sức như dây chuyền vàng, nhẫn vàng trên thị trường có xu hướng tăng cao. *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 4,98% do nhu cầu tăng mạnh trong dịp lễ tết. Tương tự, nhóm *May mặc, giày dép và mũ nón* tăng 4,93%. *Nhóm giáo dục* tăng 5,68%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 6,33%. *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 2,28%... Ở một diễn biến khác, toàn tỉnh có 03/11 nhóm hàng giảm, trong đó giảm mạnh nhất là nhóm *giao thông* giảm 2,96%, tiếp đó là nhóm *buu chính viễn thông* giảm 1,61%, nhóm *văn hoá, giải trí và du lịch* giảm 0,36% đã tác động tích cực đến chỉ số giá bình quân 5 tháng đầu năm 2025.

Chỉ số giá vàng tháng 5/2025 tăng 7,47% so với tháng trước, bình quân 5 tháng tăng 21,75% là do giá vàng tăng theo giá thế giới. *Chỉ số giá đô la Mỹ* tăng 0,79% so với tháng trước, bình quân 5 tháng tăng 3,39%. Sức mua của những mặt hàng này ở mức bình thường.

Trước sức ép của lạm phát tăng cao, ước tính một lượng lớn về nhu cầu thực phẩm sẽ tăng, trong khi đó giá cả hết sức biến động đã gây ra tâm lý e ngại đối với người sản xuất và tiêu dùng, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của người dân. Trước tình hình đó, Chính phủ đã có nhiều chính sách nhằm bình ổn giá cả thị trường, đánh giá chính xác về tình hình sản xuất, dự kiến nguồn cung dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, đối với mặt hàng thịt lợn để Bộ Công Thương có căn cứ điều hành thị trường hợp lý, bảo đảm cân đối cung cầu; tăng cường truyền thông nhằm khuyến khích người dân tiêu dùng sản tiết kiệm an toàn vệ sinh thực phẩm. Cùng với đó, tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá; kiểm soát chặt yếu tố hình thành giá đối với mặt hàng bình ổn giá, hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá. Công tác thông tin, tuyên truyền về điều hành giá tiếp tục được chú trọng, nhất là đối với các mặt hàng Nhà nước còn định giá, mặt hàng nhạy cảm ảnh hưởng đến người dân như y tế, giáo dục; công khai, minh bạch thông tin về giá để kiểm soát lạm phát kỳ vọng; hạn chế những thông tin thất thiệt gây hoang mang cho người tiêu dùng gây bất ổn thị trường.

9. Chuyển đổi số

Các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số được quan tâm thực hiện. Các cơ quan chức năng đã thực hiện Tham mưu Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57 NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Triển khai thực hiện Quy định thời gian toàn trình chi tiết các dịch vụ bưu chính KT1; tiếp tục hướng dẫn hồ sơ kê khai cấp phép, gia hạn tần số Đài Truyền thanh không dây đối với các xã, phường, thị trấn; gia hạn tần số đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng mạng vô tuyến điện dùng riêng trên địa bàn tỉnh; thực hiện đồng bộ dữ liệu giữa Công dịch vụ công của tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia nhằm phục vụ đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. An sinh xã hội, lao động việc làm

1.1 An sinh xã hội

Tính đến ngày 28/5/2025 trên địa bàn toàn tỉnh không có huyện, thị xã, thành phố có xảy ra thiếu đói. Hiện nay các huyện, thị xã, thành phố, đang tiếp tục rà soát các hộ thiếu đói trên địa bàn để kịp thời hỗ trợ.

Các chế độ, chính sách cho người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát¹² cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội được tập trung thực hiện. Trong tháng, đã giải quyết chế độ đối với 164 hồ sơ người có công, thân nhân người có công và các đối tượng do ngành quản lý. Các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh cho người dân.

Công tác bảo hiểm: Tính đến nay, tổng số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.726 nghìn người, đạt 96% KH; tổng số tiền thu là 2.257 tỷ đồng; tổng số tiền chi là 2.069 tỷ đồng; tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN là 250 tỷ đồng.

¹² Tính đến ngày 21/5/2025, toàn tỉnh đã triển khai hỗ trợ xây mới và sửa chữa được 3.907/7.312 căn, đạt tỷ lệ 54,43% so với Kế hoạch; trong đó xây mới 3.340/5.891 căn; sửa chữa 567/1.421 căn; có 1.610 căn đã bàn giao đưa vào sử dụng

1.2 Lao động việc làm

Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm được triển khai đầy đủ, kịp thời. Đã triển khai cung cấp thông tin thị trường lao động cho 1.230 lượt người; tư vấn việc làm, nghề nghiệp và các chế độ chính sách cho 3.550 lượt người, trong đó: tư vấn việc làm là 2.168 lượt, tư vấn chuyên sâu về Xuất khẩu lao động (XKLD) cho 329 lượt người có nhu cầu đi XKLD; giới thiệu việc làm cho 542 lượt người.

Công tác hỗ trợ người lao động, chính sách bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục được triển khai kịp thời, hiệu quả. Trong tháng, đã ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 1.149 người. Tư vấn học nghề cho 1.420 lượt người hưởng trợ cấp thất nghiệp; có 57 người có quyết định hỗ trợ học nghề.

2. Hoạt động văn hóa, thể thao và Du lịch

Các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trong tháng 5 năm 2025 phát triển, công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực được đẩy mạnh đã đóng góp phần không nhỏ vào sự thành công của nhiều sự kiện văn hoá, thể thao và du lịch.

Văn hoá: Ngành văn hoá đã triển khai công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Văn hóa; công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh trong tháng 5/2025: Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2025); tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 – 2030, Tham gia hội diễn Nghệ thuật quần chúng “Tiếng hát Làng Sen ” toàn quốc kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2025) và kỷ niệm 70 năm cán bộ, chiến sĩ, đồng bào và học sinh miền Nam hoàn thành việc chuyển quân tập kết ra Bắc tại Quy Nhơn (16/5/1955 - 16/5/2025), phim tài liệu “Thời đại Hùng Vương” và Lễ hội Hoa Phượng Đỏ - Hải Phòng 2025; Ngày hội sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ Tư năm 2025; Trưng bày chuyên đề “Sắc màu văn hóa Đăk Lăk”... được triển khai đã mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực.

Thể thao: Các hoạt động thể dục thể thao được tổ chức ở nhiều địa phương trong tỉnh. Tổ chức Hội thi văn hoá, thể thao ngành văn hoá, thể thao và du lịch; Ngày Quốc tế Yoga lần thứ 11 và giải Yoga các câu lạc bộ tỉnh Đăk Lăk mở rộng năm 2025 tại quảng trường 10/3; phối hợp đăng cai tổ chức giải bóng bàn Khu vực miền Trung và Tây nguyên từ ngày 23-25/5/2025. Tổ chức thành công Giải bóng đá hạng nhì quốc gia năm 2025.

Du lịch: Tham gia triển lãm “Không gian du lịch, di sản văn hoá, danh thắng và sản phẩm thủ công truyền thống Việt Nam” tại năm du lịch quốc gia – Huế

2025. Tổ chức trưng bày gian hàng văn hoá, ẩm thực, cà phê, sản phẩm COOP, trò chơi dân gian, tuyên truyền quảng bá, xúc tiến các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc.

4. Giáo dục - Đào tạo

Trong tháng 5 năm 2025, ngành Giáo dục – Đào tạo đã hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, trọng tâm là: Tổ chức thi thử tốt nghiệp THPT năm 2025; tổ chức bồi dưỡng tập huấn triển khai Tài liệu giáo dục địa phương lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Đắk Lắk; tổ chức Hội thi Giao lưu tiếng Việt cho trẻ em mầm non vùng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk, năm học 2024 – 2025; tổ chức chấm sáng kiến, đề tài, giải pháp khoa học của ngành giáo dục đào tạo năm học 2024 - 2025.

5. Công tác Y tế

Trong tháng 5 năm 2025, ngành y tế đã giám sát hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tiêm các loại vắc xin trong tiêm chủng mở rộng, triển khai tiêm vắc xin IPV (bại liệt), sởi tại các địa phương. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng phòng, chống tai nạn thương tích, phòng đuối nước; Ngày Sức khoẻ thế giới(07/4); Ngày Hiến máu nhân đạo (07/4); Tháng hành động vì ATTP; Ngày thế giới phòng chống sốt rét; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật...

Tăng cường giám sát các bệnh như: Covid-19, Sởi, Sốt xuất huyết, Tay chân miệng và các bệnh dịch mới phát sinh xảy ra trên địa bàn tỉnh. Trong tháng, tỉnh đã ghi nhận 124 trường hợp bệnh sởi, tích lũy 5 tháng đầu năm 2025 là 351. Ghi nhận 01 trường hợp mắc bệnh dại, tích lũy 3/3. Số trường hợp mắc tay chân miệng là 176, tích lũy 367. Số trường hợp mắc Sốt xuất huyết là 48, tích lũy là 177. Tổng số lượt khám chữa bệnh tuyến bệnh viện tỉnh trong tháng 5: Khám 275.896 lượt, nội trú 31.753, lượt, ngoại trú 7.163 lượt, chuyển viện (nội trú) 1.480 trường hợp¹³.

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS: Số HIV/AIDS/TV mới phát hiện: 00/00/00. Tích lũy 37/00/05. Số bệnh nhân điều trị bằng Methadone tháng đầu năm 2025 là 188 người.

¹³ Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên: Khám: 35,045 lượt, nội trú: 7.424, ngoại trú: 976, chuyển viện (nội trú): 528 trường hợp. Bệnh viện đa khoa Tp. Buôn Ma Thuột: Khám: 20.529 lượt, nội trú: 1.101, ngoại trú: 673, chuyển viện (nội trú): 34 trường hợp. Bệnh viện Y học cổ truyền: Khám: 2.243 lượt, nội trú: 1.036, ngoại trú: 117, chuyển viện (nội trú): 03 trường hợp.

Chương trình mục tiêu Quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP): Các cơ quan chức năng đã kiểm tra liên ngành về ATTP trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2025 tại các huyện, thị xã, thành phố. Thẩm định điều kiện ATTP tại 23 cơ sở thực phẩm, tích lũy 5 tháng đầu năm 2025 là 58 cơ sở. Trong kỳ và tính chung 5 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 03 người mắc và nhập viện, 0 không có trường hợp tử vong.

6. Tình hình cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn, môi trường và thiên tai

Tình hình cháy, nổ: Tháng 5/2025 trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nổ nào. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh phát sinh 5 vụ cháy, nổ, giảm 58,33% so với cùng kỳ năm trước, không có người chết và bị thương. Tổng giá trị thiệt hại 659 triệu đồng, giảm 72,30% so với cùng kỳ năm trước.

Vi phạm môi trường: Tháng 5/2025 các cơ quan chức năng đã phát hiện 08 vụ vi phạm môi trường, gấp 8 lần so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 81 vụ vi phạm môi trường, tăng 138,24% so với cùng kỳ năm trước; xử lý 28 vụ, giảm 17,65%; tổng số tiền xử phạt là 708,25 triệu đồng, giảm 37,04% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình thiên tai: Trong tháng 5/2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 02 đợt thiên tai: Mưa lớn trên địa bàn huyện Ea H'leo đã gây hư hỏng nhà kho và một số vật dụng gia đình của 2 hộ dân tại; ước thiệt hại khoảng 150 triệu đồng; mưa lớn trên địa bàn huyện Cư M'gar và thành phố Buôn Ma Thuột đã gây đổ một số cây xanh và biển quảng cáo. Hiện nay địa phương đang kiểm tra, tổng hợp tình hình thiệt hại.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 04 đợt mưa, lũ trái mùa kéo dài, làm mực nước sông, suối dâng cao, gây ngập úng nhiều diện tích sản xuất nông nghiệp. Theo thống kê, có 1.303 ha lúa nước và 2,5 ha hoa màu, gây sạt lở tại một số vị trí bờ sông với chiều dài khoảng 20m, hư hỏng 02 nhà dân. Ước giá trị thiệt hại 8.202 triệu đồng.

7. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội

Cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang các cấp trong tỉnh đã chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phản động, chống đối. Các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự. Tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các sự kiện chính trị, chương trình lễ hội năm 2025.

Tháng 5/2025 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 25 vụ Tai nạn giao thông, làm chết 21 người và bị thương 16 người (so với tháng trước giảm 7,41% về số vụ, giảm 8,70% về số người chết, tăng 23,08% về số người bị thương; so với cùng kỳ năm trước, giảm 30,56% về số vụ, tăng 150,0% về số người chết, giảm 44,83% về số người bị thương). Ước giá trị thiệt hại 119,2 triệu đồng.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, trên địa bàn toàn tỉnh đã xảy ra 145 vụ tai nạn giao thông (giảm 12,12% so cùng kỳ), làm 113 người chết (tăng 14,14%) và 86 người bị thương (giảm 23,89% so cùng kỳ). Ước giá trị thiệt hại là 1.584,4 triệu đồng./.

Nơi nhận:

- Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại (b/c);
- Vp Tỉnh Ủy, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài Chính tỉnh;
- Lãnh đạo CCTK;
- Các phòng nghiệp vụ VPCC;
- Lưu VT, TKTH.

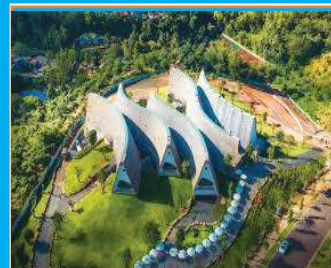
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Quang Phước



CỤC THỐNG KÊ CHI CỤC THỐNG KÊ ĐẮK LẮK

KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH ĐẮK LẮK 5 tháng năm 2025



02623.856.008



cucthongkedaklak.gso.gov.vn



19 Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột



Nông nghiệp

Tính đến ngày 23/5/2025, tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân đạt 71.839 ha, tăng 3,85%



▲ 3,96%
49.344 ha



Lúa

▲ 1,86%
2.245 ha



Khoai lang

▲ 3,35%
4.005 ha



Cây ngô

▲ 3,61%
7.340 ha



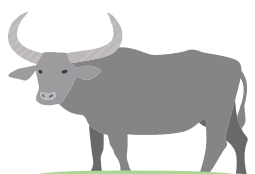
Rau, đậu

Chăn nuôi

Sản lượng thịt hơi 5 tháng năm 2025



▲ 0,76%
9.442 tấn



▲ 1,97%
1.292 tấn



▲ 1,05%
87.683 tấn

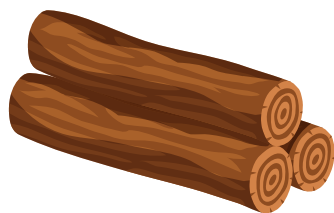


▲ 1,75%
38.145 tấn

Tính đến thời điểm cuối tháng 5/2025, đàn trâu ước 26.745 con, đàn bò là 257.314 con, đàn lợn 1.065.249 con và đàn gia cầm 16.294 nghìn con



Lâm nghiệp



▲ 2,58%
141.631 m³
Sản lượng
gỗ khai thác



▲ 2,40%
346.106 ste
Sản lượng
củ khai thác

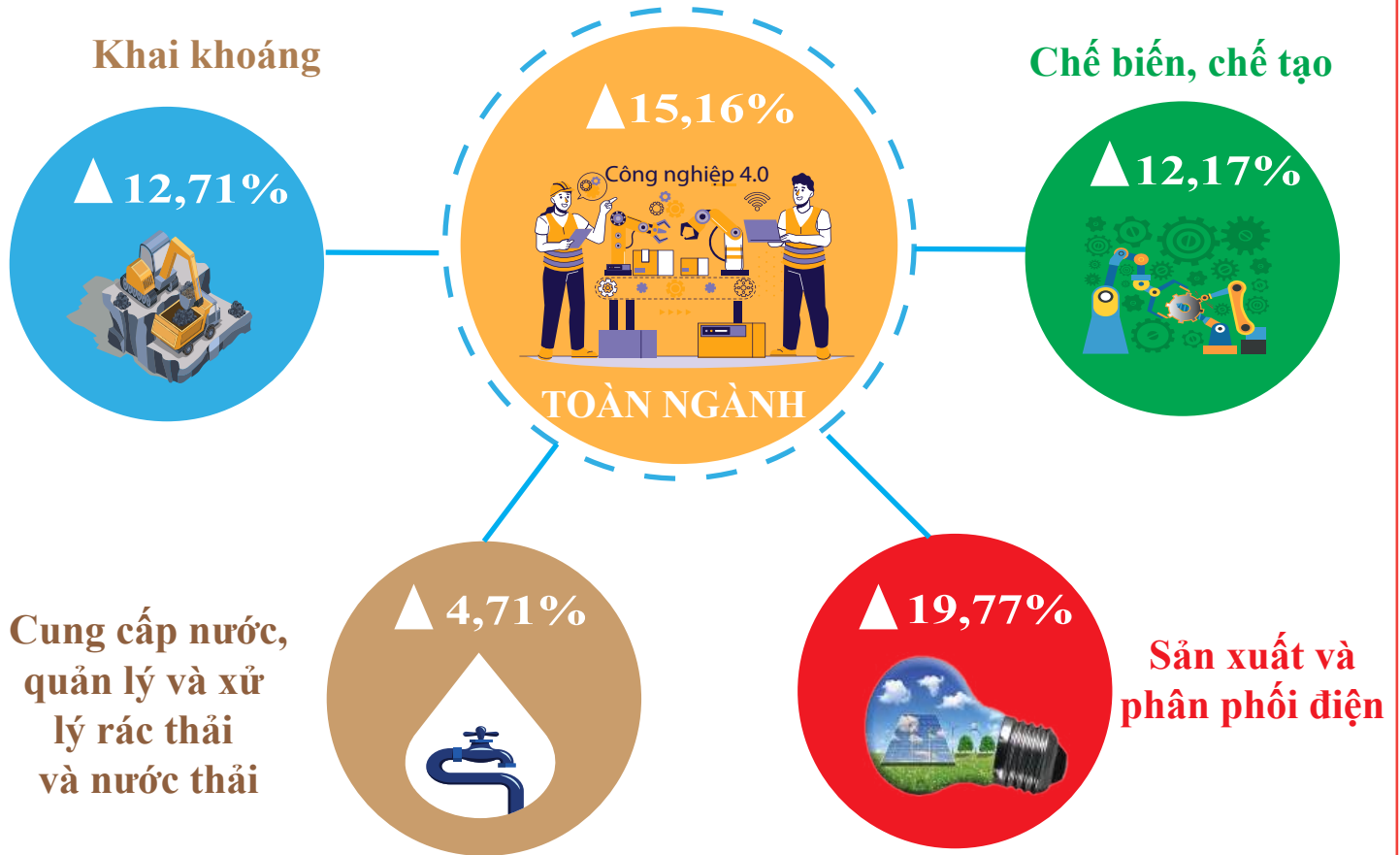
Thủy sản

▲ 3,26%
7.454 tấn

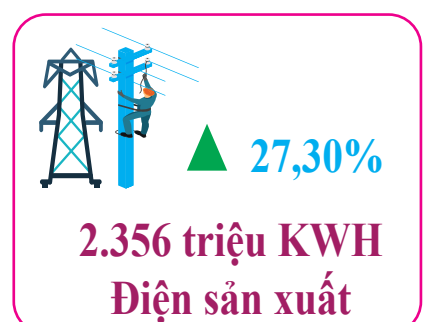
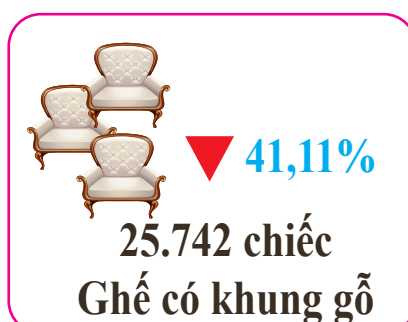
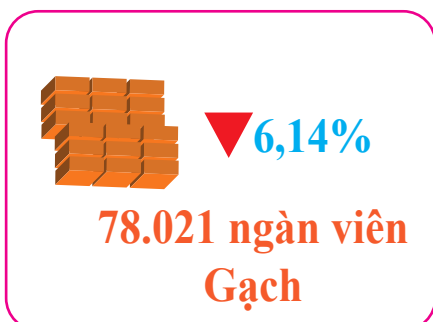
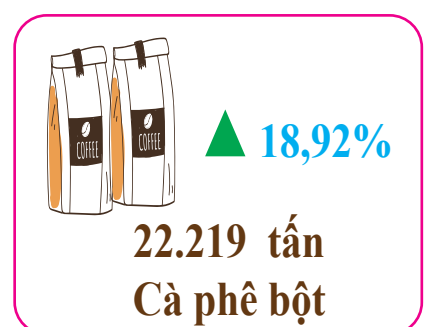
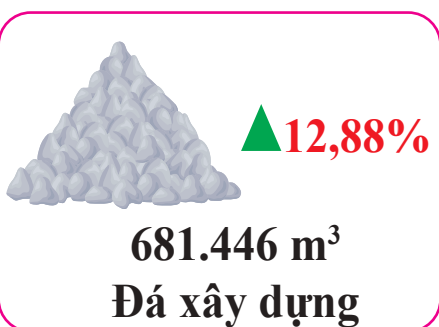


Sản lượng thủy sản

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



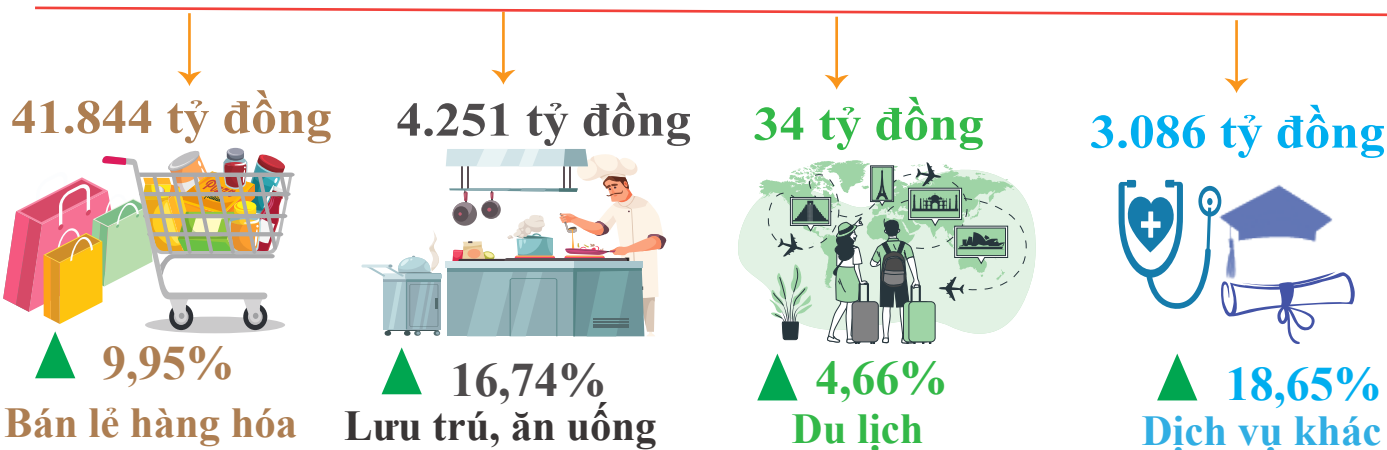
Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



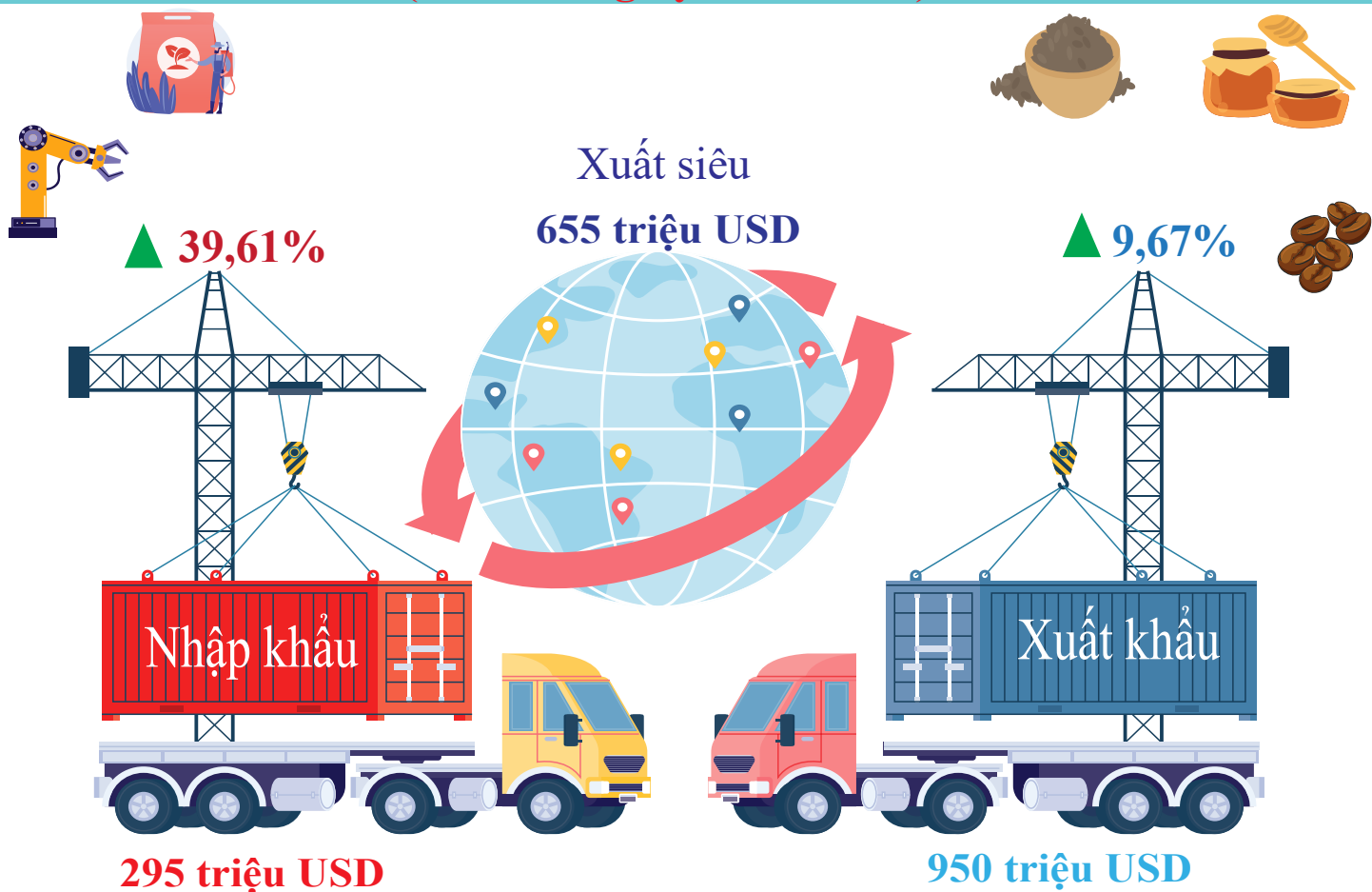
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ 5 tháng năm 2025



Xuất, nhập khẩu 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



Du lịch 5 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



▲ 33,12%

1.185.999 lượt khách
do cơ sở lưu trú phục vụ

405.190 lượt
khách trong ngày

780.809 lượt
khách ngủ qua đêm



4.022 lượt khách
do cơ sở lữ hành phục vụ

3.018 lượt
khách trong nước

1.004 lượt
khách đi quốc tế

Chỉ số giá tiêu dùng

105,52%

CPI tháng 5/2025
so với
tháng 5/2024



121,75%

Chỉ số giá
vàng bình quân
5 tháng năm 2025
so với cùng
kỳ năm trước

105,79%

Chỉ số giá
tiêu dùng(CPI) bình
quân 5 tháng năm
2025 (%)



102,16%

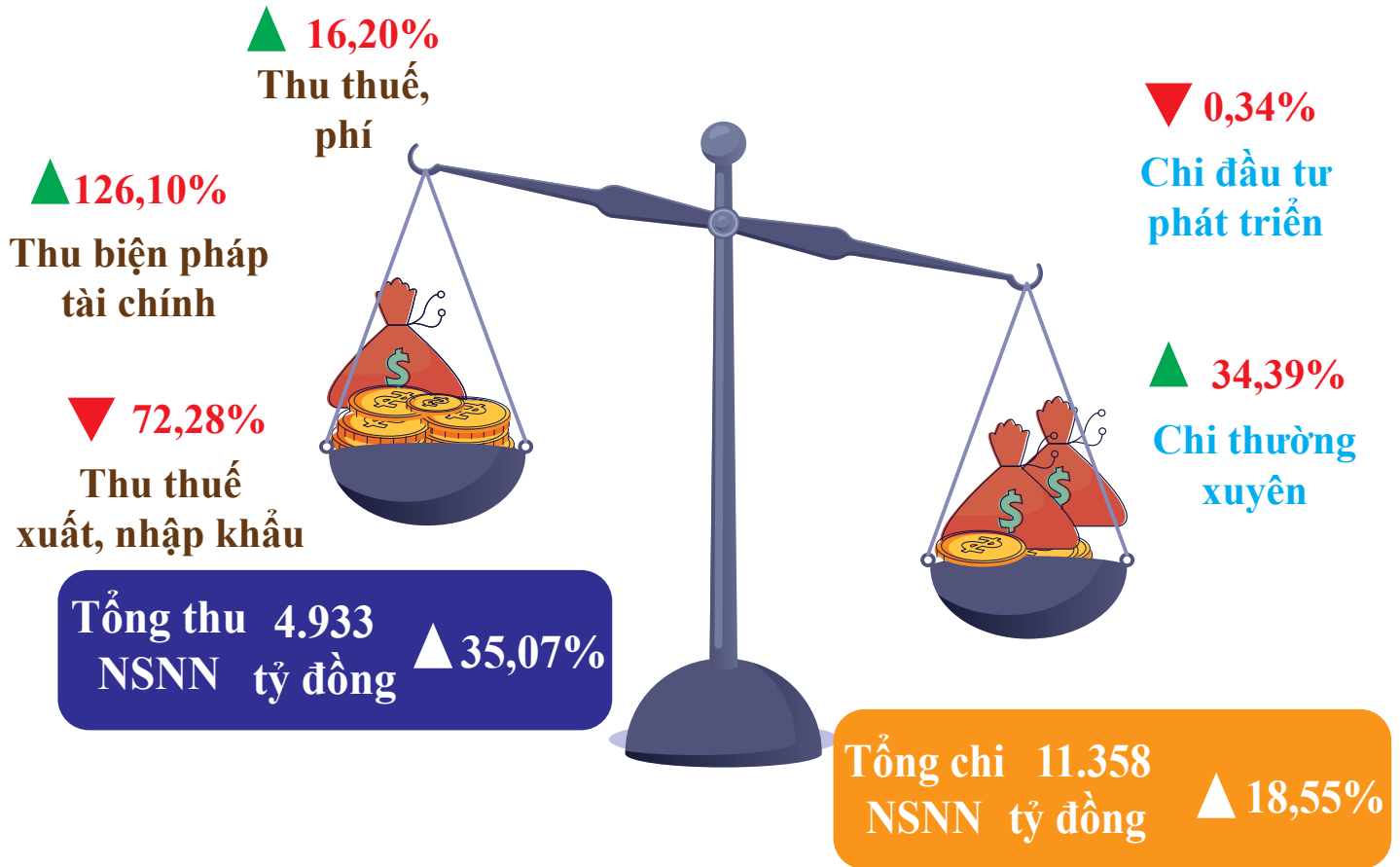
CPI tháng 5/2025
so với
tháng 12/2024



103,39%

Chỉ số giá
đô la bình quân
5 tháng năm 2025
so với cùng
kỳ năm trước

Thu chi ngân sách nhà nước (tính đến ngày 31/5/2025)



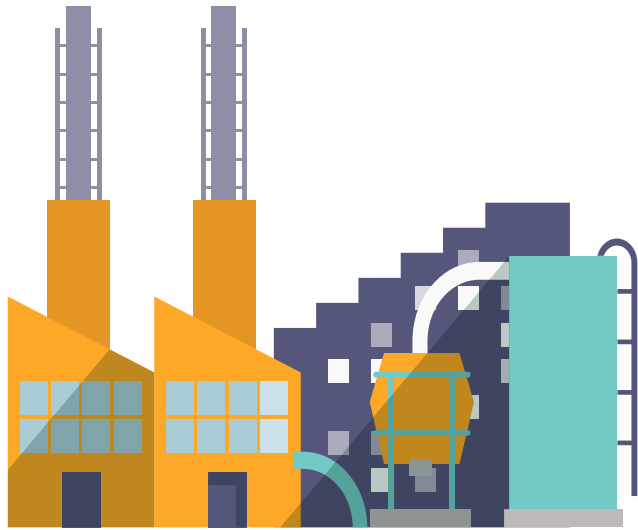
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



**Phát triển doanh nghiệp 5 tháng năm 2025
(so với cùng kỳ năm trước)**

▲ 18,96%

691 doanh nghiệp



Doanh nghiệp đăng ký mới

12.989 tỷ đồng



Vốn đăng ký

**Doanh nghiệp giải thể và ngừng hoạt động 5 tháng năm 2025
(so với cùng kỳ năm trước)**

▲ 23,04%

721 doanh nghiệp



Doanh nghiệp ngừng hoạt động

▼ 7,00%

93 doanh nghiệp



Doanh nghiệp giải thể

Doanh thu vận tải, hàng hóa và dịch vụ hỗ trợ vận tải 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)

▲ 11,63%



Vận tải hành khách

▲ 0,66%



Vận tải hàng hóa

▲ 15,12%

1.677.581 triệu đồng
Tổng doanh thu

▲ 39,20%



DV hỗ trợ vận tải

▲ 35,23%



Bưu chính, chuyển phát

Vận tải hành khách và hàng hóa 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)

Vận tải hành khách

6.921 nghìn HK ▼ 2,40%



705 triệu lượt
HK.km ▲ 8,33%

Vận tải hàng hóa

1.427 nghìn tấn ▲ 3,33%



408 triệu
tấn.km ▲ 13,82%

Vận chuyển

Luân chuyển

Y tế 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)

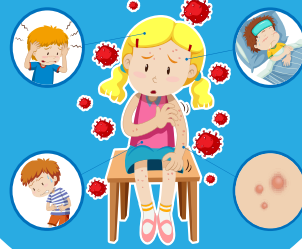
Sốt xuất huyết

177 trường hợp, 0 tử vong



Tay chân miệng

367 trường hợp, 0 tử vong



Sởi

351 trường hợp, 0 tử vong



0 trường hợp, 0 tử vong



Bạch hầu

0 trường hợp, 0 tử vong



Thủy đậu

03 trường hợp, 03 tử vong



Uốn ván

An toàn vệ sinh thực phẩm và Cháy nổ 5 tháng 2025 (so với cùng kỳ năm trước)

01 vụ ngộ độc thực phẩm



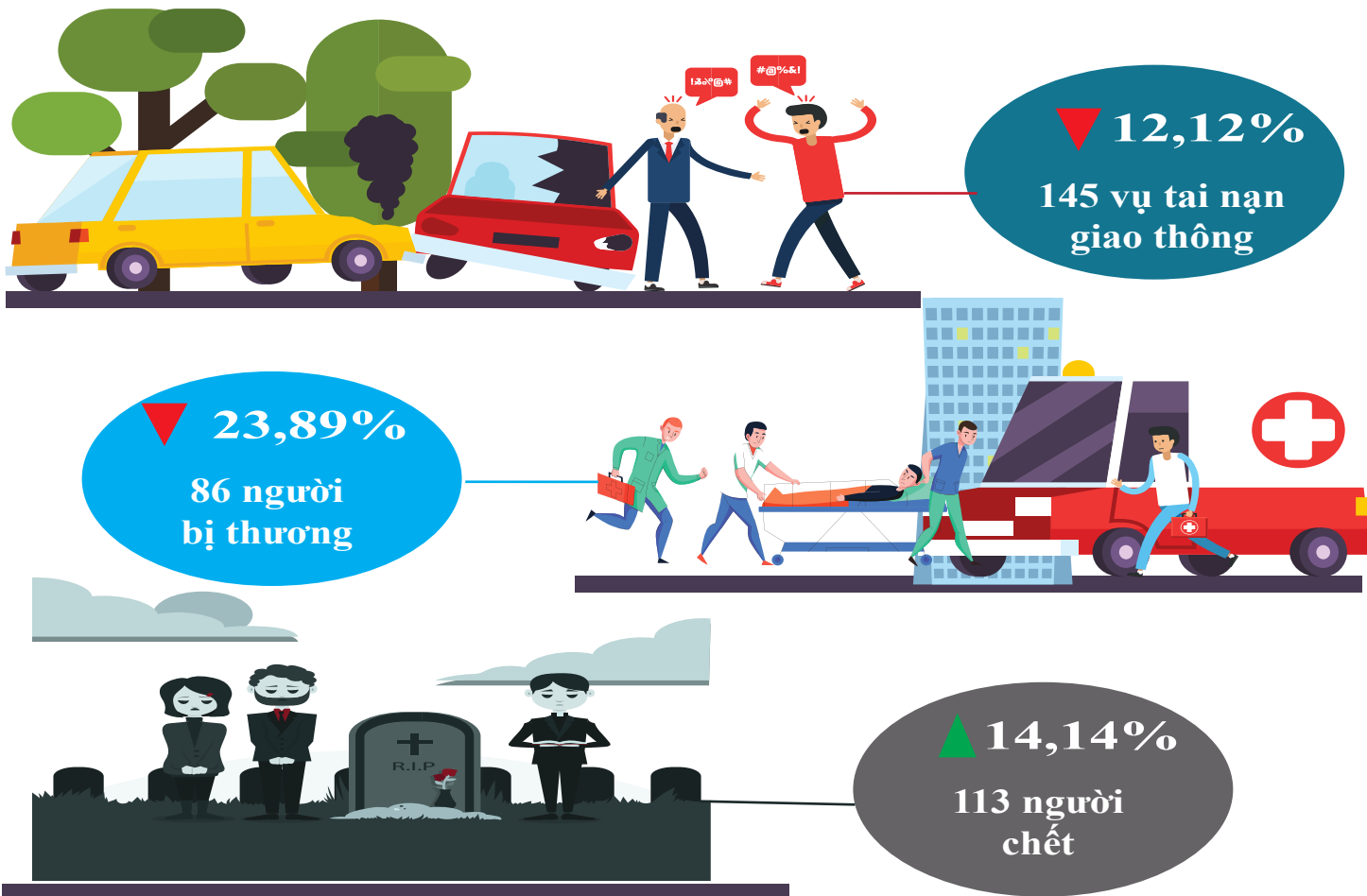
3 người mắc và nhập viện

▼ 58,33%
5 vụ cháy nổ



0 người chết
Thiệt hại 659 triệu đồng

Tai nạn giao thông 5 tháng năm 2025 (so với cùng kỳ năm trước)



Thiệt hại thiên tai tính đến 28/5/2025 (so với cùng kỳ năm trước)



Thiên tai làm thiệt hại 1.303 ha lúa nước và 2,5 ha hoa màu

**SỐ LIỆU THÔNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI
ƯỚC THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Gồm có:

1. Tình hình Thu - Chi ngân sách Nhà nước
2. Sản xuất Nông nghiệp
3. Chỉ số sản xuất Công nghiệp
4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ
7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa
8. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống
9. Doanh thu dịch vụ khác
10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải
11. Chỉ số giá tiêu dùng
12. Vận tải hành khách
13. Vận tải hàng hóa
14. Trật tự an toàn xã hội

1.2. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	Dự toán TW (triệu đồng)	Dự toán ĐP (triệu đồng)	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện so với dự toán TW năm (%)	Lũy kế thực hiện so với dự toán ĐP năm (%)	Lũy kế thực hiện so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng chi	26.771.218	28.189.634	9.148.723	2.209.154	11.357.877	42,43	40,29	118,55
<i>Phân theo nội dung kinh tế</i>								
<i>Trong đó:</i>								
- Chi đầu tư phát triển	7.395.376	8.420.376	3.753.266	589.106	4.342.372	58,72	51,57	99,66
- Chi thường xuyên	18.953.191	19.246.943	5.397.102	1.618.403	7.015.505	37,01	36,45	134,39
- Chi bổ sung Quỹ DTTC	1.440	1.440	-	-	-	-	-	-
- Chi trả nợ lãi	2.100	2.100	-	-	-	-	-	-
- Chi dự phòng	419.111	456.915	-	-	-	-	-	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	-	61.860	-	-	-	-	-	-

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 23 tháng 5 năm 2025

	Chính thức cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (ha)	69.174	71.839	103,85
Lúa			
Lúa đông xuân	47.465	49.344	103,96
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa mùa (hoặc thu đông)	-	-	-
Các loại cây khác (ha)			
Ngô	3.875	4.005	103,35
Khoai lang	2.204	2.245	101,86
Sắn	1.549	1.567	101,16
Mía	1.113	1.195	107,37
Đậu các loại	1.467	1.537	104,77
Rau các loại	5.617	5.803	103,31
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (tấn)			
Lúa	-	-	-
Lúa đông xuân	-	-	-
Lúa hè thu	-	-	-
Lúa mùa (hoặc thu đông)	-	-	-
Cây trồng khác (tấn)	-	-	-
Ngô	-	-	-
Khoai lang	-	-	-
Sắn	-	-	-
Mía	-	-	-
Đậu tương	-	-	-
Đậu Lạc	-	-	-
Đậu các loại	-	-	-
Rau các loại	-	-	-

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5 và 5 tháng năm 2025

ĐVT : %

	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo	Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Tổng số	114,04	103,37	120,06	115,16
B.Khai khoáng	104,31	95,41	143,92	112,71
+ Khai khoáng khác	104,31	95,41	143,92	112,71
C.Công nghiệp chế biến chế tạo	108,94	105,52	126,32	112,17
+ Sản xuất chế biến thực phẩm	112,21	105,45	126,93	114,98
+ Sản xuất đồ uống	87,33	121,37	115,20	93,00
+ Sản xuất trang phục	117,37	103,32	108,79	115,34
+ Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	193,15	100,19	175,62	189,35
+ Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn)	95,79	103,00	106,03	97,92
+ In, sao chép bản ghi các loại	65,13	213,33	102,40	74,41
+ Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	96,50	63,32	174,40	103,71
+ Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	128,42	101,18	134,43	129,66
+ Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	87,99	128,43	115,52	93,26
+ Sản xuất kim loại	129,96	93,69	131,58	130,29
+ Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	95,03	93,31	123,27	99,72
+ Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	111,80	100,00	97,55	108,64
+ Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	46,78	115,57	99,39	51,87
+ Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	135,72	125,89	-	168,61
+ Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	114,16	94,81	118,11	114,97
D.Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...	121,58	100,19	111,79	119,77
+ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước...	121,58	100,19	111,79	119,77
E.Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	102,68	106,85	112,85	104,71
+ Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,92	109,41	107,90	99,98
+ Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	109,42	103,45	120,59	111,55

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4/2025	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Đá granit, pophia, bazan	M3	-	-	-	-	-
Đá xây dựng khác	M3	194.051	184.876	681.446	144,37	112,88
Tinh bột sắn, bột dong riêng	Tấn	11.741	12.200	52.294	222,42	144,46
Đường RS	Tấn	11.305	6.000	62.092	82,05	91,16
Cà phê bột các loại (gồm cả cà phê hương liệu)	Tấn	4.375	5.088	22.219	126,68	118,92
Thức ăn gia súc	Tấn	820	900	6.690	120,00	188,19
Bia đóng chai	1000 lít	3.780	5.910	21.562	124,38	86,74
Nước tinh khiết	1000 lít	2.200	2.594	10.615	110,68	99,46
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	835	878	3.337	104,37	118,76
Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hay plastic	1000 đôi	174	174	862	177,55	190,71
Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da	1000 đôi	169	170	849	171,72	186,59
Gỗ cưa hoặc xẻ (trừ gỗ xẻ tà vẹt)	M3	-	-	-	-	-
Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	9.700	11.200	33.620	143,59	101,27
Báo in (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	16	33	97	102,40	74,41
Phân khoáng hoặc phân hoá học chứa 3 nguyên tố: nitơ, photpho và kali (NPK)	Tấn	183	94	1.496	53,41	50,64
Phân vi sinh	Tấn	1.098	1.155	4.941	134,37	138,75
Các hợp chất từ cao su tổng hợp và cao su tự nhiên và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh	Tấn	816	367	2.908	-	119,08

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4/2025	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Bao và túi từ plastic khác	Tấn	170	172	802	134,38	129,56
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	6	6	30	155,56	169,54
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	16.181	19.528	78.021	107,48	93,86
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	16.001	24.091	99.566	115,40	85,80
Sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng, dạng cuộn, có chiều rộng ≥ 600 mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng	Tấn	13.875	13.000	63.495	131,58	130,29
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	280	290	1.016	1.318,18	56,73
Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M2	11.638	4.343	50.710	124,33	295,82
Dịch vụ tiện các bộ phận kim loại	Triệu đồng	2.255	75	5.305	755,95	174,22
Neo, móc và các bộ phận rời của chúng bằng sắt hoặc thép	Tấn	11	12	56	240,00	200,00
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	4.148	3.725	25.742	81,79	58,89
Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	239	1.481	5.470	131,88	16,28
Tóc giả, râu giả, lông mi giả, độn tóc và các loại tương tự từ tóc người, lông động vật và từ nguyên liệu dệt	Kg	636	800	4.101	-	168,61
Điện thủy điện	Triệu KWh	222	255	1.315	131,03	144,12
Điện gió	Triệu KWh	44	33	400	93,66	125,80
Điện mặt trời	Triệu KWh	132	125	642	103,25	103,35
Điện thương phẩm	Triệu KWh	255	257	1.154	115,19	103,21
Nước uống được	1000 m3	3.638	3.980	17.893	107,90	99,98
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	7.716	7.983	38.743	120,59	111,55

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 5 và 5 tháng năm 2025

Nội dung	Thực hiện tháng 4 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tháng 5 năm 2025 (triệu đồng)	Cộng dồn thực hiện đến cuối kỳ báo cáo (triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	644.702	724.135	3.085.998	28,94	134,59
1. Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	505.647	598.799	2.478.179	28,39	165,24
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	77.656	94.568	523.330	26,76	99,30
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	51.115	46.185	124.188	13,32	3.268,11
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	403.326	440.156	1.820.611	30,08	188,44
- Vốn nước ngoài (ODA)	828	34.392	46.756	11,61	2.342,48
- Xổ số kiến thiết	23.837	21.923	79.214	39,15	1.752,91
- Vốn khác	-	7.760	8.268	7,25	-
2. Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	139.055	125.336	607.819	31,41	76,63
- Vốn cân đối ngân sách huyện	139.055	125.336	607.819	31,41	76,63
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	139.055	125.336	607.819	31,41	76,63
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
- Vốn khác	-	-	-	-	-
3. Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-
- Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
- Vốn khác	-	-	-	-	-

6. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 4 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2025 (triệu đồng)	Cộng dồn 5 tháng năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính tháng 5 năm 2025 so với tháng trước (%)	Tháng 5 năm 2025 so với cùng kỳ (%)	Cộng dồn 5 tháng năm 2025 so với cùng kỳ (%)
TỔNG SỐ	10.079.639	10.052.784	49.214.816	99,73	113,08	111,01
<i>Phân theo ngành hoạt động</i>						
Doanh thu bán lẻ	8.567.454	8.475.764	41.843.701	98,93	110,79	109,95
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	863.330	903.434	4.251.337	104,65	126,89	116,74
Dịch vụ lữ hành	9.353	11.371	33.905	121,58	113,93	104,66
Dịch vụ khác	639.502	662.215	3.085.873	103,55	127,79	118,65

7. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 4/2025 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	8.567.454	8.475.764	41.843.701	110,79	109,95
Phân theo nhóm hàng					
1. Lương thực, thực phẩm	3.100.365	3.203.204	15.605.532	107,99	105,37
2. Hàng may mặc	309.670	322.124	1.553.304	114,23	104,60
3. Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	1.191.754	1.193.934	5.839.818	114,92	113,16
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	34.462	35.044	165.815	115,23	112,07
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	616.106	642.780	2.985.025	127,50	128,59
6. Ô tô các loại	224.522	226.450	1.118.888	145,57	146,22
7. Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	1.176.341	894.278	4.890.866	105,78	117,71
8. Xăng, dầu các loại	1.352.776	1.369.769	6.803.077	99,81	100,15
9. Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	17.805	18.335	90.148	105,10	97,53
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	214.704	221.637	1.134.023	129,54	119,13
11. Hàng hóa khác	197.962	206.359	1.037.510	127,03	115,33
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	130.987	141.850	619.695	136,35	129,97

8. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 4 năm 2025 (triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	872.683	914.805	4.285.242	126,71	116,64
Phân theo ngành kinh tế					
Dịch vụ lưu trú	85.883	91.134	465.909	130,81	142,07
Dịch vụ ăn uống	777.447	812.300	3.785.428	126,46	114,24
Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	9.353	11.371	33.905	113,93	104,66

9. Doanh thu dịch vụ khác tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 4/2025 (Triệu đồng)	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	639.502	662.215	3.085.873	127,79	118,65
Phân theo nhóm, ngành hàng					
1. Dịch vụ kinh doanh bất động sản	39.656	41.731	198.583	114,66	107,79
2. Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ	91.706	97.189	443.343	139,85	138,49
3. Dịch vụ giáo dục và đào tạo	62.450	65.492	317.590	135,04	133,73
4. Dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	199.966	207.465	920.921	151,73	145,37
5. Dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí	88.518	75.638	407.587	85,79	80,97
6. Dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	41.130	45.766	202.369	153,87	132,51
7. Dịch vụ khác	116.076	128.934	595.480	118,11	104,61

10. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	337.282	1.677.581	102,35	111,19	115,12
Vận tải hành khách	137.772	596.217	101,97	133,31	111,63
Đường bộ	137.772	596.217	101,97	133,31	111,63
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	84.871	516.596	102,64	81,58	100,66
Đường bộ	84.871	516.596	102,64	81,58	100,66
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	73.748	363.719	102,74	108,28	139,20
Bưu chính, chuyển phát	40.891	201.049	102,38	146,87	135,23

11. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 năm 2025

Đơn vị tính : %

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với				Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	124,98	105,52	102,16	100,16	105,79
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,82	105,23	100,73	99,82	105,96
Lương thực	131,38	97,90	93,90	99,35	99,98
Thực phẩm	131,92	106,30	101,98	99,82	106,86
Ăn uống ngoài gia đình	96,29	107,50	102,42	100,29	107,44
Đồ uống và thuốc lá	126,56	105,09	102,31	100,50	104,98
May mặc, giày dép và mũ nón	119,91	104,55	101,10	100,21	104,93
Nhà ở và vật liệu xây dựng	154,55	114,88	106,19	101,43	114,88
Thiết bị và đồ dùng gia đình	122,90	102,88	101,51	100,45	102,28
Thuốc và dịch vụ y tế	129,31	116,75	115,51	100,00	116,59
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	133,03	121,73	120,37	100,00	121,40
Giao thông	112,21	96,07	99,34	99,50	97,04
Bưu chính viễn thông	95,98	98,64	99,32	99,99	98,39
Giáo dục	119,77	105,68	100,07	100,01	105,68
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	117,50	106,33	100,00	100,00	106,33
Văn hoá, giải trí và du lịch	115,43	99,79	99,20	99,98	99,64
Hàng hoá và dịch vụ khác	131,44	108,80	102,03	100,22	108,56
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	283,91	132,88	136,51	107,47	121,75
CHỈ SỐ ĐÔ LA MỸ	112,38	102,69	102,61	100,79	103,39

12. Vận tải hành khách của địa phương tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. Vận chuyển hành khách - nghìn hành khách	1.657	6.921	102,03	115,47	97,60
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	1.657	6.921	102,03	115,47	97,60
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	1.657	6.921	102,03	115,47	97,60
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hành khách - Triệu HK.Km	151	705	101,52	115,77	108,33
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	151	705	101,52	115,77	108,33
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	151	705	101,52	115,77	108,33
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-

13. Vận tải hàng hoá của địa phương tháng 5 và 5 tháng năm 2025

	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. Vận chuyển hàng hoá - nghìn tấn	236	1.427	102,16	74,45	103,33
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	236	1.427	102,16	74,45	103,33
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	236	1.427	102,16	74,45	103,33
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
B. Luân chuyển hàng hoá - Triệu tấn.km	74	408	102,19	90,63	113,82
Phân theo loại hình kinh tế					
Nhà nước	-	-	-	-	-
Ngoài nhà nước	74	408	102,19	90,63	113,82
Khu vực đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-
Phân theo ngành vận tải					
Đường bộ	74	408	102,19	90,63	113,82
Đường sông	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-

14. Trật tự, an toàn xã hội tháng 5 và 5 tháng 2025

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	25	145	92,59	69,44	87,88
Đường bộ	25	145	92,59	69,44	87,88
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	21	113	91,30	150,00	114,14
Đường bộ	21	113	91,30	150,00	114,14
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	16	86	123,08	55,17	76,11
Đường bộ	16	86	123,08	55,17	76,11
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
2. Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	-	5	-	-	41,67
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	-	659	-	-	27,70